

**ĐỀ ÁN
HỢP NHẤT TỈNH HÀ NAM, TỈNH NINH BÌNH VÀ TỈNH NAM ĐỊNH
THÀNH TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Sau khi phối hợp với các tỉnh Hà Nam và tỉnh Nam Định, UBND tỉnh Ninh Bình trình Chính phủ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh như sau:

**Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
3. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kết luận số 139-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về hệ thống tổ chức đảng ở địa phương (cấp tỉnh và cấp xã).
5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.
6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

9. Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 27/4/2025 của HĐND tỉnh Nam Định về việc thông qua chủ trương hợp nhất tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định;

10. Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc thông qua chủ trương hợp nhất tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định;

11. Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Hà Nam về việc thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

II. SỰ CẦN THIẾT HỢP NHẤT BA TỈNH HÀ NAM, NAM ĐỊNH, NINH BÌNH

1. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/10/2017 của ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cùng với các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương;

2. Việc hợp nhất tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và Nam Định thành một tỉnh mới cơ bản phù hợp với quy hoạch của 03 tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo việc mở rộng không gian phát triển, phát huy được những điểm mạnh của 03 tỉnh, bù đắp những hạn chế về vị trí địa lý, dân số và diện tích cũng như cơ cấu kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh; mở rộng, kết nối được 03 vùng miền núi, đồng bằng và ven biển, đặc biệt mở rộng không gian phát triển kinh tế biển, công nghiệp văn hóa, kinh tế du lịch, công nghiệp, nông nghiệp và khoa học kỹ thuật...

3. Tinh gọn bộ máy của cả hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền, tiết kiệm chi phí chi thường xuyên đồng thời tập trung nguồn lực tài chính, nhân lực để tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng. Khi hợp nhất 03 tỉnh sẽ giảm được 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh (đồng thời với kết thúc hoạt động của 22 đơn vị hành chính cấp huyện; giảm 269 xã), tinh giản tổ chức bộ máy, cán bộ công chức, viên chức và người lao động, tạo dư địa và nguồn lực để đầu tư phát triển.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình là tỉnh nằm ở cực Nam đồng bằng Bắc Bộ, ở vị trí giao thoa, chuyển tiếp giữa 03 vùng kinh tế: Vùng đồng bằng sông Hồng - Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung - Vùng trung du và miền núi phía Bắc, cũng là nơi tiếp nối, giao thoa giữa lưu vực sông Hồng với sông Mã, “Cửa ngõ phía Nam của “Nền văn minh sông Hồng” - “Cái nôi văn hóa đầu tiên của người Việt”. Ninh Bình từng là nơi cư ngụ của người Việt Cổ từ hơn 30 ngàn năm trước, nơi ken dày dấu tích lịch sử trong tiến trình dựng nước và giữ nước từ thời đại các vua Hùng, có nhiều giá trị đặc sắc, riêng có về văn hóa - lịch sử, tự nhiên sinh thái. Đặc biệt, vùng đất được mệnh danh “địa linh nhân kiệt” này từng là Đé đô gần nửa thế kỷ của ba vương triều Đinh, Tiền Lê, Lý mở ra kỷ nguyên độc lập và phục hưng dân tộc; với những danh nhân tiêu biểu như: Đinh Tiên Hoàng Đế, người anh hùng đã thống nhất giang sơn, lập nên Nhà nước Đại Cồ Việt - Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử dân tộc, mở nền chính thống quốc gia; Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Trịnh Tú, Trương Hán Siêu, Vũ Phạm Khải, Phạm Thận Duật, Lương Văn Tụy...

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, vùng đất Ninh Bình có nhiều biến động do thay đổi địa giới hành chính hoặc thay đổi danh xưng.

Đất Ninh Bình “Đời Tần (221 TCN - 207 TCN), thuộc Tượng Quận. Đời Hán (206 TCN - 220), thuộc quận Giao Chỉ, từ đời Ngô, đời Tấn (222-422) về sau thuộc châu Giao, cuối đời Lương (543) là Trường Châu”. Thời Hùng Vương thuộc bộ Giao Chỉ. Những chứng cứ khoa học từ các cuộc khai quật khảo cổ học những năm gần đây đã chứng minh từ những thế kỷ đầu sau công nguyên, Ninh Bình đã là trung tâm kinh tế - chính trị của vùng đất Trường Châu, mạch nguồn hình thành nên nhà nước Đại Cồ Việt sau này.

Đinh Tiên Hoàng người động Hoa Lư (Ninh Bình), sau khi lên ngôi vua năm 968, đóng đô ở địa phận nay thuộc xã Trường Yên (thành phố Hoa Lư). Nhà Tiền Lê và khởi đầu nhà Lý cũng đóng đô ở đây.

Vào năm Canh Tuất năm 1010, Lý Công Uân lên ngôi vua, lập ra triều Lý, thay triều Tiền Lê, chuyển đô ra Thăng Long, đổi Hoa Lư thành phủ Tráng An.

Năm 1226, Trần Cảnh lên ngôi vua (Trần Thái Tông) lập ra vương triều Trần (1226-1400), đất Ninh Bình gồm lộ Trường Yên và trấn Thiên Quan. Dưới thời Lê Sơ (1428-1527) là đất hai phủ Trường Yên và Thiên Quan.

Năm 1527, nhà Mạc cho tách hai phủ Trường Yên và Thiên Quan của thừa tuyên Sơn Nam làm Thanh Hoa ngoại trấn. Đến đời Tây Sơn tách làm Thanh Hoa ngoại trấn thuộc Bắc Thành.

Năm Gia Long thứ 5 (1806) đổi Thanh Hoa ngoại trấn làm đạo Thanh Bình. Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) đổi phủ Trường Yên thành phủ Yên Khánh. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822) *đổi đạo Thanh Bình thành đạo Ninh Bình. Địa danh Ninh Bình chính thức có từ đây.*

Năm Minh Mạng thứ 10 (1829) đổi đạo Ninh Bình thành trấn Ninh Bình. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), *nâng trấn Ninh Bình lên thành tỉnh Ninh Bình. Tỉnh Ninh Bình chính thức được thành lập*, gồm 2 phủ, 7 huyện như trấn Ninh Bình cũ.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, tỉnh Ninh Bình trực thuộc Khu 3 (sau ngày 25/01/1948 trực thuộc Liên khu Ba, gồm 1 thị xã, 6 huyện, 2 thị trấn là: thị xã Ninh Bình (tỉnh lỵ) và các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Gia Khánh, Yên Khánh, Yên Mô, Kim Sơn; thị trấn Nho Quan, thị trấn Phát Diệm.

Cuối năm 1975, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra Nghị quyết hợp nhất tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình thành một tỉnh mới, lấy tên là tỉnh Hà Nam Ninh.

Năm 1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 125-CP ngày 27/4/1977, hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện, thị xã thuộc tỉnh Hà Nam Ninh, trong đó: Hợp nhất huyện Gia Khánh và thị xã Ninh Bình thành một huyện lấy tên là huyện Hoa Lư; hợp nhất huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn thành một huyện lấy tên là huyện Hoàng Long; hợp nhất huyện Yên Mô và 10 xã phía Bắc của huyện Yên Khánh và thị trấn Tam Điệp thành một huyện lấy tên là huyện Tam Điệp; sáp nhập 9 xã còn lại ở phía Nam của huyện Yên Khánh vào huyện Kim Sơn.

Năm 1981, Hội đồng Chính phủ ban hành quyết định về một số đơn vị hành chính cấp huyện và thị xã thuộc tỉnh Hà Nam Ninh, trong đó: Chia huyện Hoàng Long thành hai huyện lấy tên là huyện Hoàng Long và huyện Gia Viễn; tách thị trấn Ninh Bình của huyện Hoa Lư để thành lập thị xã Ninh Bình bao gồm các phường Vân Giang, Lương Văn Tụy, Đinh Tiên Hoàng và Quang Trung.

Năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành quyết định mở rộng địa giới hai thị xã Hà Nam, Ninh Bình; thành lập thị xã Tam Điệp thuộc tỉnh Hà Nam Ninh.

Ngày 26/12/1991, Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá VIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết về việc phân vạch lại địa giới hành chính một số tỉnh; trong đó quyết định chia tỉnh Hà Nam Ninh thành hai tỉnh, lấy tên là tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình. Tỉnh Ninh Bình được tái lập, có 7 đơn vị hành chính gồm: thị xã Ninh Bình, thị xã Tam Điệp và 5 huyện: Hoa Lư, Tam Điệp, Gia Viễn, Hoàng Long, Kim Sơn; tỉnh lỵ là thị xã Ninh Bình. Ngày 01/04/1992, tỉnh Ninh Bình chính thức đi vào hoạt động theo tỉnh mới được tái lập.

Năm 2007, thành lập thành phố Ninh Bình với 14 đơn vị hành chính, gồm các phường: Vân Giang, Thanh Bình, Phúc Thành, Đông Thành, Tân Thành, Nam Bình, Bích Đào, Nam Thành, Ninh Phong, Ninh Khánh và các xã: Ninh Nhất, Ninh Tiến, Ninh Sơn và Ninh Phúc. Cuối năm 2007, phường Ninh Sơn được thành lập.

Tháng 4/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết thành lập thành phố Tam Điệp trực thuộc tỉnh Ninh Bình. Như vậy, đến đây, tỉnh Ninh Bình

có 8 đơn vị hành chính, gồm hai thành phố: Ninh Bình (tỉnh lỵ) và Tam Điệp; 6 huyện: Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô, Yên Khánh và Kim Sơn.

Ngày 10/12/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1318/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Ninh Bình. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2025 tỉnh Ninh Bình có 07 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 05 huyện (Nho Quan, Gia Viễn, Yên Khánh, Yên Mô, Kim Sơn) và 02 thành phố (Hoa Lư và Tam Điệp); 125 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 101 xã, 18 phường, 06 thị trấn.

Ninh Bình là vùng đất Đê đô linh thiêng, đầy huyền tích, huyền sử với bề dày lịch sử, văn hóa ngàn năm. Trong tiến trình lịch sử dân tộc, tỉnh Ninh Bình đã có nhiều đóng góp to lớn cho đất nước; người dân Ninh Bình luôn giàu truyền thống yêu nước; anh dũng trong giữ nước; cần cù, thông minh, sáng tạo trong dựng nước; khát vọng xây dựng vùng đất sơn thủy hữu tình, đầy dấu tích lịch sử thành vùng đất kỳ tú, vững mạnh; tạo nên những sắc thái văn hóa đa dạng, phong phú, độc đáo. Vùng đất này được thiên nhiên ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh, có nhiều di tích, di sản, đặc biệt Quần thể danh thắng Tràng An - di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới duy nhất ở Đông Nam Á, được UNESCO công nhận. Trong những năm gần đây, tỉnh Ninh Bình đã có những bước phát triển vượt bậc, với những bước tiến mạnh mẽ về công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa, du lịch, dịch vụ; từ năm 2022 đã trở thành tỉnh tự cân đối ngân sách, có điều tiết về trung ương và là một trong 3 trung tâm công nghiệp ô tô lớn nhất cả nước.

2. Tỉnh Nam Định

Nam Định thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Theo biến thiên lịch sử của đất nước, Nam Định đã trải qua nhiều lần thay đổi về phạm vi, giới hạn và địa danh khác nhau. Thời Hùng Vương thuộc bộ Giao Chỉ, thời Lý-Trần, đặt Lộ Thiên Trường, thời Lê Hồng Đức đổi thành Sơn Nam Thừa Tuyên. Đến năm 1741 (thời vua Lê Cảnh Hưng) gọi là Sơn Nam Hạ Lộ, thời Tây Sơn đổi làm trấn Sơn Nam, năm Minh Mạng thứ 3 (1822) đổi làm trấn Nam Định, năm 1832, đổi trấn thành tỉnh Nam Định, khi đó chia đất nước thành 31 tỉnh và kinh đô Huế. Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) cho lập huyện Hải Hậu, năm Thành Thái thứ 2 (1890) lấy 7 huyện của 2 phủ Kiến Xương và Thái Bình, 2 huyện của phủ Tiên Hưng đặt thành tỉnh Thái Bình. Tỉnh Nam Định còn lại 2 phủ 9 huyện: phủ Nghĩa Hưng kiêm lý huyện Đại An, gồm Vụ Bản, Nam Trực, Ý Yên, Phong Doanh; phủ Xuân Trường kiêm lý huyện Giao Thủy gồm: Hải Hậu, Trực Ninh, Thượng Nguyên, Mỹ Lộc.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, theo yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ, Nam Định cũng trải qua nhiều lần thay đổi về đơn vị hành chính. Có một giai đoạn ngắn nơi đây gồm: tỉnh Nam Định, tỉnh Bùi Chu và thành phố Nam Định, tỉnh lỵ Nam Định đặt ở Hành Thiện, Xuân Trường, sau Bùi Chu nhập với Nam Định mang tên tỉnh Nam Định.

Từ năm 1945 đến năm 1975: tỉnh Nam Định hợp nhất với tỉnh Hà Nam thành tỉnh Nam Hà theo Nghị quyết số 103-NQ/TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với 13 đơn vị hành chính cấp huyện, 337 đơn vị hành chính cấp xã.

Từ năm 1975 đến năm 1991: tỉnh Nam Hà hợp nhất với tỉnh Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh với 21 đơn vị hành chính cấp huyện, 482 đơn vị hành chính cấp xã. Từ năm 1991 đến năm 1996: chia tách tỉnh Hà Nam Ninh thành 2 tỉnh Nam Hà và Ninh Bình; trong đó Nam Định thuộc tỉnh Nam Hà, với 13 đơn vị hành chính cấp huyện, 337 đơn vị hành chính cấp xã. Năm 1997: chia tách tỉnh Nam Hà thành tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Nam, tỉnh Nam Định có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, 229 đơn vị hành chính cấp xã.

Từ năm 2019 đến năm 2021, tỉnh Nam Định thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019 – 2021, có 10 đơn vị hành chính cấp huyện và 226 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 03 đơn vị). Từ năm 2021 đến tháng 8/2024 số lượng đơn vị hành chính được giữ nguyên. Từ tháng 9/2024 đến nay, tỉnh Nam Định có 9 đơn vị hành chính cấp huyện, 175 đơn vị hành chính cấp xã.

Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc Việt Nam, Nam Định luôn là địa phương có bề dày về văn hóa - văn hiến, đóng góp nhiều sức người, sức của và lập nhiều công trạng; là nơi phát tích vương triều Trần, ba lần đại thắng quân Nguyên - Mông, vang danh sử sách. Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, nơi đây được coi là địa bàn trọng yếu, có vị thế quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và văn hóa. Phủ Thiên Trường xưa (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay) được ví như kinh đô thứ hai của nhà nước Đại Việt. Tỉnh Nam Định là địa phương có bề dày về văn hoá - văn hiến, đặc biệt là truyền thống hiếu học và học giỏi, được coi là đất học; trong lịch sử khoa cử Việt Nam, Nam Định là một trong những địa phương có nhiều nhà khoa bảng đỗ đại khoa. Nơi sinh ra nhiều danh nhân kiệt xuất như: Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Hiền, Đào Sư Tích, Lương Thế Vinh, Vũ Tuấn Chiêu, Trần Văn Bảo, Trần Bích San, Phạm Văn Nghị, Trường Chinh (cố Tổng Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam), Trần Huy Liệu... và nhiều nhà văn hoá, nghệ thuật tài hoa.

Kế thừa truyền thống hiếu học của cha ông, ngày nay, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân Nam Định hết sức đầu tư chăm lo sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và nền kinh tế tri thức, cùng với việc khẳng định giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, hơn nữa thế kỷ qua sự nghiệp văn hoá - xã hội nói chung, giáo dục và đào tạo nói riêng ở Nam Định có nhiều đổi mới, phát triển, xứng danh là vùng đất học.

Nam Định cũng là tỉnh có nhiều di sản văn hóa, trong đó nổi bật là những di sản văn hóa có giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống như lễ hội Đền Trần, Phủ Dầy hay những loại hình văn hóa dân gian cổ truyền: hát chèo, rối nước, rối cặn, hát chầu văn cùng nhiều làng nghề truyền thống: đúc đồng, dệt, chạm khắc, sơn mài... Đặc biệt, Nam Định được coi là nơi phát sinh, hội tụ, lan tỏa thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, được UNESCO xét duyệt và ghi danh vào danh mục “Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại” vào tháng 12/2016.

Trong xu thế hội nhập thu hút đầu tư, những năm qua Nam Định là điểm đến tin cậy của nhiều tập đoàn kinh tế lớn trong khu vực và thế giới. Với phương châm

“coi thành công của doanh nghiệp là thành công của tỉnh”, Nam Định có nhiều thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong đó có nguồn nhân lực chất lượng là thế mạnh của tỉnh, tạo bước chuyển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của tỉnh những năm tiếp theo.

Nghị quyết lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2020 - 2025 đang được cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hiện thực hoá, phấn đấu xây dựng nơi đây là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của khu vực Nam đồng bằng sông Hồng. Sự nghiệp trồng người trên đất học Nam Định đang đơm hoa kết trái, ‘đất và người’ Nam Định đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

3. Tỉnh Hà Nam

Tỉnh Hà Nam phân bố ở hạ lưu châu thổ sông Hồng, Hà Nam là nơi hội tụ và giao thoa kinh tế, văn hóa giữa vùng đồng bằng Bắc Bộ với vùng Tây Bắc. Từ thời Tiền sử đến trước thế kỷ X -XI, men theo dãy núi 99 ngọn, dọc sông Đáy qua địa bàn Hà Nam chính là con đường “Thượng đạo” truyền thống, nối liền xứ Đoài - xứ Nam - xứ Thanh, đi ngang qua phía Tây Nam Hà Nội. Vùng đất được thiên nhiên ưu đãi cùng với bề dày truyền thống lịch sử đã để lại cho Hà Nam nhiều di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh đặc sắc, độc đáo.

Thời kỳ Tiền sử, các nhà khảo cổ đã phát hiện xương hóa thạch và các công cụ bằng đá ở hang Chuông, hang Gióng Lở (xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm); hang Đội 4, hang Tổ 8 (thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng) có niên đại cách ngày nay trên dưới một vạn năm, in đậm dấu ấn của nền văn hóa Hòa Bình.

Thời Sơ sử, vùng đất Hà Nam là nơi phát hiện các di vật và di tích, tiêu biểu là trống đồng Ngọc Lũ, trống đồng Tiên Nội và nhiều trống đồng, mộ thuyền văn hóa Đông Sơn cũng đã được phát hiện và nghiên cứu từ những năm 60 của thế kỷ XX, là nguồn tư liệu có giá trị trong việc nghiên cứu lịch sử văn hóa, văn minh Việt cổ.

Bước vào thời kỳ lịch sử, nằm trong vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ. Thời Đinh - Lê - Lý - Trần đến các triều đại Lê sơ - Mạc - Lê Trung Hưng và Nguyễn, mảnh đất và con người Hà Nam luôn giữ một vai trò quan trọng trong không gian văn hóa Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

Suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, các thế hệ người dân Hà Nam đã luôn đồng lòng, chung sức đấu tranh chống thiên tai, địch họa, phát triển trồng trọt, chăn nuôi, vượt qua gian nan của một thuở, đắp đường, đào sông, xây dựng hệ thống giao thông thủy bộ, từng bước vun đắp, hình thành một Hà Nam tươi đẹp và phát triển như hôm nay.

Từ thuở các Vua Hùng dựng nước cho đến nay, Hà Nam đã trải qua nhiều thay đổi về địa danh và địa giới hành chính. Thời Hùng Vương và An Dương Vương, Hà Nam thuộc quận Vũ Bình, Bộ Giao Chỉ. Thời Bắc thuộc, Hà Nam nằm trong địa bàn của quận Giao Chỉ rồi quận Vũ Bình. Thời kỳ phong kiến độc lập, vùng đất Hà Nam trực thuộc các lộ, xứ và tứ trấn của kinh đô Đại Việt: Thời nhà Lý thuộc lộ Đại

La Thành; thời Trần, Lê, Mạc thuộc Châu Ly Nhân, Trấn Sơn Nam, rồi Sơn Nam Thượng; thời Nguyễn thuộc Phủ Lý Nhân và tỉnh Hà Nội.

Cách đây 135 năm, ngày 20/10/1890, tỉnh Hà Nam được thành lập trên cơ sở toàn bộ vùng đất của Phủ Lý Nhân, 02 tổng của Phú Xuyên, gồm 5 huyện: Kim Bảng, Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm và tỉnh lỵ Phủ Lý.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, Đảng và Nhà nước đã có một số lần thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Hà Nam. Năm 1965, Hà Nam hợp nhất với tỉnh Nam Định thành tỉnh Nam Hà, đến năm 1976 hợp nhất với tỉnh Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh, năm 1992 tỉnh Ninh Bình tái lập. Ngày 01/01/1997, sau 32 năm hợp nhất với tỉnh Nam Định và Ninh Bình, tỉnh Hà Nam được tái lập. Hiện nay, tỉnh Hà Nam gồm 06 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 03 huyện), 98 đơn vị hành chính cấp xã.

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, vùng đất Hà Nam luôn giữ vai trò, vị trí quan trọng. Với vị trí địa lý nằm giữa các kinh đô và đô thị sầm uất: Kinh đô Hoa Lư, kinh đô Thăng Long, phủ Thiên Trường, đô thị cổ Phố Hiến, ở cửa ngõ của Kinh thành Thăng Long, một trong Tứ trấn: Đông - Đoài - Bắc - Nam, nơi án ngữ con đường kinh lý phía Nam đã tạo cho Hà Nam vị trí chiến lược, luôn được chọn làm căn cứ tập kết, tích trữ lương thảo, luyện quân cho công cuộc chống xâm lăng.

Hà Nam tự hào là quê hương của văn hóa Đông Sơn; quê hương của những anh hùng hào kiệt, danh nhân văn hóa gắn với lịch sử vẻ vang của dân tộc như: Trần Bình Trọng, Đinh Công Tráng, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Khuyến, Nam Cao, Lương Khánh Thiện, Trần Tử Bình, Hoàng Tùng và nhiều nhà lãnh đạo kiệt xuất khác...

Hà Nam là mảnh đất khoa bảng, trong lịch sử giáo dục và khoa cử Nho học, Hà Nam có nhiều vị đỗ đại khoa, trong đó có 18 vị đại khoa được đề danh trên bia Tiến sĩ - Văn miếu Quốc Tử Giám, được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu của nhân loại. Thời đại Hồ Chí Minh, Hà Nam tự hào với tiếng trống Bắc Lý- nơi khởi nguồn của phong trào hai tốt.

Nhân dân Hà Nam đời sau nối tiếp đời trước đã trao truyền và sáng tạo một không gian văn hoá độc đáo, được bảo tồn, giữ gìn, phát triển đến ngày nay, với: hơn 1.888 di tích, 12 Bảo vật Quốc gia; Đền Trần Thương và Chùa Đọi Sơn là Di tích Quốc gia đặc biệt và hàng trăm lễ hội với nhiều lễ hội vùng đặc sắc đã được ghi danh di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như: Lễ hội Tịch Điền Đọi Sơn, Lễ hội đền Trần Thương, Lễ hội Vật võ Liễu Đôi...; những làn điệu chèo, dân ca, hát Dặm Quỳ Sơn, hát Lả Lê, châu văn, trống quân mượt mà đậm thắm ... góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm, nhân cách các thế hệ.

Hơn một thế kỷ qua là cả một quá trình phấn đấu gian khổ, hy sinh nhưng cũng rất vẻ vang và tự hào. Nhân dân Hà Nam cùng đồng bào cả nước chung sức, đồng lòng, anh dũng, kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, đấu tranh với nghèo nàn, lạc hậu để xây dựng quê hương, đất nước ấm no, hạnh phúc.

II. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Vị trí địa lý

1.1. Tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình là vùng đất cổ đô ngàn năm, nằm ở cực Nam của đồng bằng sông Hồng, phía bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Nam Định, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hòa Bình, phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa và biển Đông, cách thủ đô Hà Nội hơn 90km về phía Nam, nằm trên tuyến giao thông đường sắt, đường bộ huyết mạch Bắc - Nam; trực giao thông nối cảng Hải Phòng với các tỉnh phía Nam; kết nối với các tỉnh vùng Tây Bắc Bắc Bộ. Với lợi thế gần thủ đô và vùng trung tâm kinh tế phía Bắc, nằm trong tứ giác phát triển Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng - Thanh Hóa, Ninh Bình có vị trí địa lý và giao thông đặc biệt thuận lợi trong giao thương và phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Tỉnh Nam Định

Nam Định thuộc vùng đồng bằng sông Hồng; cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 90km về phía Tây Bắc; cách cảng Hải Phòng 100 km về phía Đông Bắc; cách tỉnh Quảng Ninh khoảng 145 km về phía Đông Bắc. Nam Định có bờ biển dài 72 km; nằm trong vùng ảnh hưởng của Tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và Vành đai kinh tế ven vịnh Bắc Bộ. Nam Định nằm ở vị trí trung chuyển giữa các tỉnh phía Nam đồng bằng sông Hồng và các tỉnh Bắc Trung Bộ. Phía Bắc giáp tỉnh Thái Bình và tỉnh Hà Nam; Phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình; Phía Đông và phía Nam giáp biển Đông.

1.3. Tỉnh Hà Nam

Hà Nam có vị trí địa lý kinh tế quan trọng của vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH): (i) là cửa ngõ phía Nam của vùng Thủ đô Hà Nội với các tuyến giao thông huyết mạch chạy qua tỉnh, bao gồm quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, cao tốc Pháp Vân - Ninh Bình kết nối với các tỉnh theo hướng Bắc - Nam; các quốc lộ 37B, 38, 38B, 21, 21B kết nối với các tỉnh miền núi và các tỉnh ven biển; đường nối 2 đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình và Hà Nội-Hải Phòng; có 02 con sông lớn chảy qua địa phận là lợi thế so sánh để Hà Nam phát triển giao thương với các địa phương; (ii) Nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội. Phía Bắc và Tây Bắc tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội; phía Đông giáp tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình; phía Nam giáp tỉnh Nam Định; phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Hòa Bình và tỉnh Ninh Bình.

2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

2.1. Tỉnh Ninh Bình

- Diện tích tự nhiên: 1.411,86 km².
- Quy mô dân số: 1.135.668 người, dân tộc thiểu số: 41.191 người (chiếm 3,6%).
- Số ĐVHC trực thuộc: 07, gồm 02 thành phố và 05 huyện; 101 xã, 18 phường và 06 thị trấn.

2.2. Tỉnh Nam Định

- Diện tích tự nhiên: 1.668,82 km²
- Quy mô dân số: 2.262.891 người, dân tộc thiểu số: 6.432 người (chiếm 0,28%)
- Số ĐVHC trực thuộc: 09, gồm 01 thành phố và 08 huyện; 146 xã, 14 phường và 15 thị trấn

2.3. Tỉnh Hà Nam

- Diện tích tự nhiên: 861,93 km²
- Quy mô dân số: 1.013.705 người
- Số ĐVHC trực thuộc: 06, gồm 01 thành phố, 02 thị xã, 03 huyện; 65 xã, 29 phường và 04 thị trấn.

3. Chức năng, vai trò

3.1. Tỉnh Ninh Bình

Tỉnh Ninh Bình là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt vào cuối thế kỷ thứ X, đầu thế kỷ thứ XI, nơi phát tích của ba triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, có chức năng và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của vùng Đồng bằng sông Hồng cũng như cả nước, là vùng du lịch nổi tiếng, một thương hiệu lớn về du lịch trong nước và quốc tế với Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới duy nhất Đông Nam Á - Quần thể danh thắng Tràng An; có vai trò quan trọng hình thành khu vực động lực phát triển của vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng gồm: Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình; là cửa ngõ, đầu mối giao thông giữa vùng Đồng bằng sông Hồng - vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung - vùng Trung du và miền núi phía Bắc; nơi tiếp nối, giao thoa giữa lưu vực sông Hồng với sông Mã; có tiềm năng trở thành một cực tăng trưởng phía Nam đồng bằng Sông Hồng, với trung tâm công nghiệp, du lịch, dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, logistic... khi kết nối với Hà Nam và Nam Định. Định hướng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên nhiên kỷ; một trung tâm công nghiệp văn hóa với du lịch, công nghiệp văn hóa là cụm ngành kinh tế mũi nhọn; hình mẫu tiêu biểu cho phát huy, cộng hưởng sức mạnh của bản sắc văn hóa với phát triển du lịch. Ninh Bình hiện là một trong 03 trung tâm công nghiệp ô tô của cả nước cùng một số lĩnh vực có nền tảng và lợi thế (thiết bị năng lượng, vật liệu tiên tiến, vật liệu xây dựng, điện tử, chế biến rau quả...). Nằm trên trục giao thông trọng yếu quốc gia (i) Trục cao tốc Bắc - Nam; (ii) Tuyến đường sắt và đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, (iii) Tuyến hành lang ven biển, hành lang đường thủy phía Bắc và (iv) Tuyến Sơn La, Hòa Bình, qua tỉnh Ninh Bình ra biển; là địa bàn chiến lược về quốc phòng và an ninh tôn giáo. Tỉnh Ninh Bình được định hướng đến năm 2030 cơ bản đạt các tiêu chí và đến năm 2050 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên nhiên kỷ, thành phố sáng tạo theo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 và Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04/3/2024.

3.2. Tỉnh Nam Định

Tỉnh Nam Định có vai trò là một trong những trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, nằm trong vùng ảnh hưởng của Tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; nằm trong vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, gồm Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Với hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại tạo vị trí thuận lợi để Nam Định kết nối với thủ đô Hà Nội, các trung tâm kinh tế và các tỉnh lân cận, rút ngắn khoảng cách và thời gian di chuyển đến sân bay, cảng biển. Ngoài ra, Nam Định cũng có thể tích hợp vào hệ sinh thái hiện có của các tỉnh đồng bằng sông Hồng để tạo ra chuỗi cung ứng toàn diện; tăng cường hợp tác trong lĩnh vực du lịch và đồng phát triển các tour du lịch kết hợp sẽ thúc đẩy hoạt động du lịch. Tại Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xác định Nam Định có vai trò là trung tâm tiểu vùng phía Nam của vùng đồng bằng sông Hồng gắn với hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình, là đầu mối liên kết vùng về đường sắt Bắc - Nam, đường sắt kết nối Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tập trung phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, phát huy vai trò động lực của các khu kinh tế ven biển gắn với các khu đô thị ven biển. Phát triển đô thị cân bằng bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học các vùng ngập nước ở Nam Định.

3.3. Tỉnh Hà Nam

Tỉnh Hà Nam từng bước thể hiện vai trò của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội vùng và cả nước. Tỉnh Hà Nam có nguồn nhân lực dồi dào, cùng với việc quan tâm, chú trọng đến công tác đào tạo nghề nên chất lượng nhân lực ngày càng được nâng cao, là thế mạnh để thu hút đầu tư.

Sự phát triển đô thị Hà Nam thành đô thị hiện đại, đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật có vai trò giảm áp lực về chức năng và dân số cho thành phố Hà Nội, góp phần là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các huyện phía Nam của Hà Nội, cụ thể: (i) Thành phố Phủ Lý có vai trò là trung tâm cấp vùng về y tế và giáo dục đào tạo phía Nam của vùng Thủ đô Hà Nội; vai trò cửa ngõ quan trọng của vùng đối với các tỉnh Nam đồng bằng sông Hồng; (ii) Hà Nam có vai trò là đô thị công nghiệp, khoa học - công nghệ, định hướng là nơi tập trung các trường đại học, cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cao...; (iii) Là đô thị sinh thái - nghỉ dưỡng theo hướng phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, tiết kiệm năng lượng vùng phía Nam Hà Nội gắn kết với không gian, cảnh quan khu vực Tam Chúc - Ba Sao, Kim Bảng..., cùng hệ thống giao thông cấp vùng và quốc gia (quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam, đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội...); (iv) Phát triển nông nghiệp (vùng lúa đặc sản, lúa chất lượng cao, rau quả sạch, hoa, cây ăn quả đặc sản...) theo hướng sản xuất, chế biến nông sản gắn với ứng dụng khoa công nghệ cao.

Hà Nam nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội, cách không xa các trung tâm công nghiệp, đô thị lớn của tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, nơi tập trung các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế chính trị, ngoại giao, thu hút đầu tư; thị trường tiêu thụ lớn, nơi tập trung đông dân cư, có tốc độ đô thị hoá nhanh sẽ là điều kiện thuận lợi để Hà Nam phát triển toàn diện.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

4.1. Tỉnh Ninh Bình

Trong giai đoạn 2020 - 2025, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự quan tâm hướng dẫn, phối hợp của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Ninh Bình với tầm nhìn và chiến lược dài hạn luôn đoàn kết, trách nhiệm, bản lĩnh, kiên định và quyết tâm, nỗ lực, chủ động, sáng tạo, phát huy dân chủ, khắc phục khó khăn, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt; cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực và toàn diện, nổi bật:

a) Về phát triển kinh tế

- Đã định hình rõ nét tính chất trung tâm chuyên ngành về công nghiệp ô tô, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến rau quả của vùng và cả nước, với đầu tàu là liên danh Công ty cổ phần sản xuất ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam và Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 8,0%/năm. Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phát triển theo hướng nâng cao chất lượng các sản phẩm, mở rộng xuất khẩu, phục vụ phát triển du lịch, hình thành nhiều tour du lịch gắn với làng nghề, nghề truyền thống.

- Chương trình phát triển đô thị có bước đột phá cả về tư duy, nhận thức và kết quả, tạo sức lan tỏa và đóng góp nhiều giá trị vào quá trình phát triển đô thị của cả nước, có 07 đô thị được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V và 01 đô thị (thành phố Hoa Lư) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh Ninh Bình (*là 01 trong 04 đô thị loại I trực thuộc tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng*), đưa tỷ lệ đô thị hóa tỉnh Ninh Bình năm 2024 đạt 40,1%. Việc thành phố Hoa Lư được thành lập (*sau khi hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư*) và trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh là bước tiến quan trọng, là tiền đề, hạt nhân lan tỏa để tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa quá trình đô thị hóa; tạo đà bứt phá để xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng Đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo vào năm 2035. Phấn đấu đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại III, 07 đô thị loại V và 02 đến 05 đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V được hình thành phân bố trên toàn tỉnh; tỷ lệ đô thị hóa đến hết năm 2025 đạt trên 52,3%, vượt chỉ tiêu Đại hội. Công trình hạ tầng kỹ thuật được triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ, góp phần thay đổi diện mạo đô thị ngày một xanh, sạch, đẹp; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 28/02/2025 về xây dựng tỉnh Ninh Bình là thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo.

- Nông nghiệp chuyển đổi mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 3,1%/năm. Giá trị sản xuất trên 01 ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đến hết năm 2025 ước đạt 165 triệu đồng/ha. Thủy sản tăng trưởng mạnh cả về diện tích nuôi trồng, sản lượng khai thác và giá trị kinh tế. Sản xuất lâm nghiệp duy trì, công tác quản lý, bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên được thực hiện tốt;

tỷ lệ che phủ rừng đến hết năm 2025 ước đạt 19,6%. Công tác phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động, không để bị động, bất ngờ làm giảm thiểu thấp nhất thiệt hại về tài sản của người dân và Nhà nước. Xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu lớn, có chiều sâu và đi vào thực chất, tỉnh Ninh Bình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, thu hẹp trình độ phát triển giữa nông thôn và thành thị; tốc độ đô thị hóa mạnh tạo tiền đề, nền tảng và động lực cơ cấu lại tính chất, chức năng, lãnh thổ giữa các vùng, góp phần nâng cao vị thế, giá trị thương hiệu địa phương. Bên cạnh đó, tập trung phát triển các sản phẩm đặc sản, đặc hữu địa phương có chất lượng cao; đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 229 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có 161 sản phẩm hạng 3 sao, 67 sản phẩm hạng 4 sao và 01 sản phẩm hạng 5 sao.

- Thương mại, dịch vụ liên tục phát triển mạnh mẽ, đạt mức tăng trưởng cao, đóng góp tích cực trong tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh, tốc độ tăng trưởng bình quân thương mại, dịch vụ giai đoạn 2020 - 2025 ước đạt 11,26%/năm. Đặc biệt, Du lịch Ninh Bình đã trở thành điểm sáng trên bản đồ du lịch Việt Nam và thế giới, với nhiều giải thưởng, được nhiều chuyên trang uy tín trên thế giới về Du lịch bình chọn. Số lượt khách du lịch tăng mạnh qua các năm, dự kiến năm 2025 đạt trên 9 triệu lượt, doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 10.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 ước đạt 44,6%/năm. Du lịch, công nghiệp văn hóa được định hướng phát triển trở thành cụm ngành kinh tế mũi nhọn. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 28/02/2025 về phát triển các ngành công nghiệp văn hoá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, định hướng năm 2050.

- Thu ngân sách nhà nước chuyển biến tích cực theo hướng bền vững, tăng tỷ lệ các khoản nội địa, giảm tỷ lệ thu tiền sử dụng đất trong tổng thu ngân sách nhà nước; thực hiện nuôi dưỡng, khai thác có hiệu quả các nguồn thu, thu hồi thuế nợ đọng, chống thất thu ngân sách, góp phần nâng cao kết quả thu ngân sách nhà nước hàng năm. Từ năm 2022, Ninh Bình đã tự cân đối ngân sách, có điều tiết về ngân sách Trung ương (*năm 2022 điều tiết về ngân sách Trung ương 9%, giai đoạn ổn định ngân sách 2023 - 2025 điều tiết 11%*). Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 ước đạt 102.883 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương (không bao gồm chi chuyển nguồn, chi nộp ngân sách cấp trên) giai đoạn 2020 - 2025 ước đạt 90.330 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 44.732 tỷ đồng, chiếm 49,1%; chi thường xuyên ước đạt 45.429 tỷ đồng, chiếm 50,3% tổng chi ngân sách địa phương.

- Công tác quản lý, huy động, phân bổ nguồn lực đầu tư được lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng cơ cấu lại các nguồn lực đầu tư, thực hiện hiệu quả phương châm đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư. Việc huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển đạt được nhiều kết quả nổi bật, nhất là trong các lĩnh vực: hạ tầng giao thông; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; du lịch; văn hoá; y tế, giáo dục và phòng, chống thiên tai tạo động lực cho thúc đẩy tăng trưởng; tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2020 - 2025 đạt 163.066 tỷ đồng; bình quân mỗi năm tăng 9,4%, trung bình hàng năm ước đạt 32.613 tỷ đồng.

b) Về văn hoá - xã hội

- Văn hóa - xã hội phát triển toàn diện. Các hoạt động văn hóa đi vào chiều sâu, diễn ra đa dạng, nhiều sắc màu, giàu cảm xúc, mang nhiều dấu ấn văn hóa vùng đất cổ đô tạo sự lan tỏa, góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh của tỉnh đồng thời tạo nền tảng vững chắc để du lịch phát triển; tổ chức nhiều sự kiện văn hóa đặc sắc như lễ hội Hoa Lư - Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia, Festival Ninh Bình... mang đầy dấu ấn di sản với quy mô quốc gia, quốc tế; tổ chức nhiều hội thảo về lịch sử, văn hóa, giáo dục, du lịch mang tầm quốc gia, quốc tế; văn hóa cơ sở được đặc biệt quan tâm; các giá trị bản sắc văn hóa độc đáo được quảng bá, lan tỏa toàn cầu, từng bước chuyển hóa thành nguồn lực nội sinh thúc đẩy phát triển; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế để phát triển công nghiệp văn hoá; chỉ đạo nghiên cứu thực hiện 10 lĩnh vực công nghiệp văn hóa - giải trí và 01 lĩnh vực dịch vụ đi kèm; xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Ninh Bình; là tỉnh đầu tiên trong cả nước ban hành Nghị quyết về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Thể thao cơ sở được đặc biệt quan tâm; thể thao đỉnh cao có những bước phát triển vượt bậc, đạt nhiều giải trong nước và quốc tế; tỉnh đã ban hành chính sách ưu đãi đối với các vận động viên thể thao thành tích cao tạo động lực cho thể thao phát triển. Ninh Bình là tỉnh có hai đội bóng chuyên Nam, Nữ thi đấu ở giải cao nhất, đội bóng chuyên nam nhiều lần vô địch quốc gia, đội bóng chuyên nữ vô địch quốc gia năm 2023. Câu lạc bộ bóng đá Phù Đổng Ninh Bình đang dẫn đầu giải hạng nhất quốc gia, dự kiến sẽ lên thi đấu tại V League mùa giải 2025 - 2026.

- Thực hiện có hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, tạo sự chuyển biến tích cực cả quy mô và chất lượng giáo dục. Ninh Bình liên tục nhiều năm nằm trong top các tỉnh dẫn đầu về chất lượng giáo dục, là một trong 03 tỉnh đầu tiên trong toàn quốc đạt chuẩn phổ cập và xóa mù chữ mức độ 2. Các kỳ thi được tổ chức hết sức nghiêm túc, công bằng, khách quan với nhiều cách làm sáng tạo, tạo sự đồng thuận và niềm tin trong quần chúng nhân dân; kết quả các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, cấp quốc gia, số lượng và chất lượng đều tăng; thi trung học phổ thông quốc gia nhiều năm liên tục nằm trong top 4 cả nước, tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp toàn ngành đạt 88,9%; số trường đạt chuẩn Quốc gia các cấp học là 455/464 trường, đạt tỷ lệ 97,2%. Trường Đại học Hoa Lư được xây dựng mới hiện đại, tầm cỡ khu vực với tổng mức đầu tư gần 1.000 tỷ đồng, dự kiến khánh thành đưa vào sử dụng vào tháng 9/2025; số lượng và điểm tuyển sinh đầu vào ngày càng tăng, nhất là ngành sư phạm, chất lượng sinh viên ngày càng được nâng cao. Công tác đào tạo nghề được đặc biệt quan tâm, góp phần tạo nguồn nhân lực đa tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân được quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ; các cơ sở khám chữa bệnh và y tế dự phòng của tỉnh được đầu tư cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu về khám chữa bệnh và y tế dự phòng của nhân dân; các bệnh viện trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tốt việc tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng các kỹ thuật, khoa học y học tiên tiến, trang thiết bị y tế hiện đại, công nghệ cao vào khám, chẩn đoán và điều trị bệnh; 100% các xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; đến hết năm 2025,

toàn tỉnh có 13 bác sỹ/vạn dân, 42 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi dưới 18,0%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 95%.

- An sinh xã hội và phúc lợi xã hội tiếp tục được quan tâm, bảo đảm, mở rộng phạm vi bao phủ. Chế độ, chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng. Công tác giảm nghèo đa chiều bền vững được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt, dự kiến đến hết năm 2025 còn dưới 1,0%. Là một trong những tỉnh có nhiều chính sách đặc thù dành cho công tác an sinh xã hội, đặc biệt là chính sách dành cho người có công, người nghèo không có khả năng thoát nghèo; các chính sách của tỉnh ban hành đã luôn nhận được sự đồng hành, ủng hộ của người dân; thực hiện tốt chủ trương phát triển hài hòa, đồng đều gắn với đẩy mạnh thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát, phấn đấu trong quý II/2025, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử được quan tâm chỉ đạo gắn với đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, địa phương. Năm 2024, Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh xếp thứ 06/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng 05 bậc so với năm 2023); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) xếp thứ 24/63; chỉ số SIPAS xếp thứ 14/63; Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 xếp thứ 16/63 tỉnh, thành phố.

c) Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng, đi vào chiều sâu; công tác ngoại giao kinh tế được triển khai với tinh thần chủ động; ngoại giao văn hóa diễn ra sôi nổi, đối ngoại nhân dân được chú trọng góp phần thu hút các nguồn lực nước ngoài và lan tỏa các giá trị văn hóa, vẻ đẹp của Ninh Bình tới bạn bè quốc tế. Vai trò, vị thế của tỉnh Ninh Bình trong công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế ngày càng được nâng lên

d) Công tác an ninh, quốc phòng, tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Ninh Bình được xác định là vị trí chiến lược, quan trọng về quốc phòng an ninh trong thế trận phòng thủ của Quân khu 3 và cả nước; đã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đi sâu vào chất lượng, tăng cường khả năng và sức mạnh sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Đã tập trung nguồn lực xây dựng các hạng mục công trình trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh và công trình kết cấu hạ tầng gắn với thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng an ninh. Chính sách hậu phương quân đội được đặc biệt quan tâm; công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương được chú trọng.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; không để bị động bất ngờ, kịp thời giải quyết các vụ việc ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng; bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện văn hóa, chính trị xã hội của tỉnh với nhiều sự kiện mang tầm quốc gia, quốc tế; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa với tấn công trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, là tỉnh đi đầu trong công tác an ninh tôn

giáo, an ninh nông thôn. Ninh Bình là một trong những tỉnh không có tội phạm có tổ chức, được đánh giá cao về an ninh trật tự.

- Công tác tư pháp, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được quan tâm chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả.

4.2. Tỉnh Nam Định

Giai đoạn 2020 - 2025, bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi đan xen khó khăn, thách thức. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Nam Định đã phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, chủ động đổi mới sáng tạo; bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, linh hoạt lựa chọn một số nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt nhiều giải pháp triển khai thực hiện, đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, cụ thể:

a) Về phát triển kinh tế

- Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng bình quân 14,23%/năm. Nhiều ngành công nghiệp chủ yếu có tốc độ tăng trưởng khá; năm 2024, Công ty TNHH QMH Computer (Tập đoàn Quanta) đã chính thức xuất khẩu hai lô máy tính xách tay đầu tiên. Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút nhà đầu tư thứ cấp, quyết định chủ trương đầu tư xây dựng khu công nghiệp (KCN) Hải Long, KCN Xuân Kiên, KCN Minh Châu. Giá trị sản xuất ở các khu, cụm công nghiệp chiếm khoảng 60% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Nông nghiệp được tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 2,5%/năm. Ước năm 2025, giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt gần 216 triệu đồng, tăng bình quân 6%/năm; sản lượng lương thực có hạt đạt 875 nghìn tấn. Chương trình mỗi xã một sản phẩm được tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, toàn tỉnh có 529 sản phẩm OCOP được công nhận 3 - 4 sao. Việc công bố chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm, ứng dụng khoa học kỹ thuật kiểm soát chất lượng sản phẩm được chú trọng. Kinh tế tập thể và Hợp tác xã nông nghiệp có bước phát triển, từng bước khẳng định vai trò trong tổ chức sản xuất ở nông thôn; toàn tỉnh hiện có 552 hợp tác xã. Đến hết năm 2024, tỉnh Nam Định có 3/8 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, trong đó huyện Giao Thủy là huyện đầu tiên của tỉnh và là một trong 11 huyện đầu tiên của cả nước đạt chuẩn NTM nâng cao, 143/146 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 54/146 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Thương mại, dịch vụ phát triển khá toàn diện, đáp ứng tốt các nhu cầu của sản xuất và đời sống Nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 88.850 tỷ đồng, tăng bình quân 13,5%/năm; tổng giá trị hàng xuất khẩu trong giai đoạn ước đạt 15,5 tỷ USD, tăng bình quân 14,4%/năm, trong đó năm 2025 ước đạt 4,1 tỷ USD; giá trị hàng hóa nhập khẩu năm 2025 ước đạt 2,7 tỷ USD, tăng bình quân 18,1%/năm. Các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao trong lĩnh vực ngân hàng,

viễn thông, công nghệ thông tin,... phát triển nhanh, tăng cả về số lượng và chất lượng. Công tác xúc tiến thương mại được quan tâm, đẩy mạnh; nhất là việc quảng bá sản phẩm và khai thác mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Khai thác có hiệu quả, bền vững các tiềm năng, thế mạnh du lịch của địa phương.

- Tập trung khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhiều dự án, công trình trọng điểm, động lực, có tính chiến lược đã hoàn thành góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong nhiệm kỳ 2020-2025, đã hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng một số công trình trọng điểm, như: Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định; Đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình; Tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - đường bộ ven biển; Tỉnh lộ 487B, 488B, 488C, 485B; Cụm công trình kênh Nghĩa Hưng; Khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần; Bệnh viện đa khoa tỉnh; hoàn thành 06 cây cầu: Cầu sông Đáy, cầu Bến Mới, cầu Đồng Cao; cầu qua sông Đào; cầu qua sông Hồng (tuyến đường ven biển Nam Định - Thái Bình), Cầu Lạc Quần. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện một số dự án, công trình lớn, có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, khi hoàn thành sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội như: dự án Xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nam - Nam Định giai đoạn 1; dự án Tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định, đang đề xuất nghiên cứu đầu tư tuyến đường kết nối Nam Định - Hoa Lư.

- Kinh tế vùng ven biển đang dần trở thành động lực phát triển của tỉnh; các địa phương vùng ven biển luôn đi đầu và đóng góp quan trọng vào thành tích xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư góp phần tạo diện mạo mới cho các huyện ven biển; đời sống của người dân vùng ven biển được cải thiện rõ rệt; chủ quyền, an ninh trên biển được giữ vững. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, công tác xúc tiến và thu hút đầu tư đạt được nhiều kết quả tích cực, từ năm 2021 đến hết quý I/2025, đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới và điều chỉnh tăng vốn cho 325 dự án (gồm 225 dự án đầu tư trong nước, 100 dự án FDI), tổng số vốn đăng ký 133.542 tỷ đồng và 1.038 triệu USD. Các dự án lớn, trọng điểm như: 03 dự án của Tập đoàn Xuân Thiện với tổng mức đầu tư là 98.900 tỷ đồng; dự án của Tập đoàn Quanta với tổng mức đầu tư 120 triệu USD; Tập đoàn Sunrise Material, Tập đoàn JiaWei với tổng mức đầu tư 100 triệu USD...; đây là các dự án lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với môi trường đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Về văn hóa xã hội

- Hoạt động văn hóa tiếp tục được quan tâm, hệ thống các thiết chế văn hoá, thể thao các cấp ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng, mở rộng góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh gắn với việc xây dựng nông thôn mới. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa được chú trọng, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp tiếp tục được bảo tồn, thực hiện nếp sống văn minh gắn với xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu dân cư văn hóa đạt được kết

quả tích cực. Triển khai thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch Nam Định. Hoạt động thể dục thể thao tiếp tục phát triển và có nhiều thành tích nổi bật; thể thao thành tích cao của tỉnh đạt nhiều kết quả tốt tại các giải thể thao trong nước và quốc tế; Câu lạc bộ bóng đá Thép xanh Nam Định giành chức vô địch V-League mùa giải 2023-2024 sau 39 năm và lần đầu tiên trong lịch sử đoạt Siêu cúp Bóng đá Quốc gia năm 2024.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo tập trung đổi mới căn bản và toàn diện, tập trung đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học. Chất lượng giáo dục phổ thông được nâng cao, luôn duy trì ở tốp dẫn đầu toàn quốc về chất lượng và tỷ lệ đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia. Hệ thống trường học các cấp được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp khang trang, sạch đẹp, trang thiết bị dạy học được bổ sung cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Toàn tỉnh có 677/729 trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia; 570 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục; 622 trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Hệ thống đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp tiếp tục phát triển, toàn tỉnh hiện có 04 trường đại học, 07 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp.

- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày được cải thiện, chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh được nâng lên, hạ tầng y tế được quan tâm đầu tư. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân được quan tâm, chủ động triển khai các giải pháp phòng chống các dịch bệnh trên địa bàn. Các bệnh viện trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tốt việc tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng các kỹ thuật, khoa học y học tiên tiến, trang thiết bị y tế hiện đại, công nghệ cao vào khám, chẩn đoán và điều trị bệnh. Hệ thống cơ sở vật chất ngành y tế tiếp tục được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện và trang bị thiết bị y tế hiện đại, nhất là các bệnh viện tuyến cơ sở. Tỉnh đã tập trung đầu tư nguồn lực xây mới Trung tâm kiểm soát bệnh tật, Bệnh viện Đa khoa tỉnh (dự kiến hoàn thành trong quý II/2025) và cải tạo, nâng cấp trạm y tế.

- Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực; bình quân hàng năm tuyển sinh đào tạo nghề cho trên 35,2 nghìn lượt người; tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 ước đạt 80%. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) năm 2025 giảm còn dưới 1,5%; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo còn thành viên có khả năng lao động (hộ nghèo không thuộc chính sách bảo trợ xã hội) dưới 0,15%. Các chính sách về an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được quan tâm thực hiện hiệu quả.

- Các hoạt động khoa học và công nghệ được chú trọng thực hiện, nhiều nghiên cứu, ứng dụng khoa học được đưa vào sản xuất và đời sống. Tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ ngày càng đi vào chiều sâu; chú trọng hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền và phát triển kênh thương mại đối với một số sản phẩm có giá trị kinh tế cao, sản phẩm chủ lực, sản phẩm truyền thống, sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế của tỉnh.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính và xúc tiến đầu tư được triển khai mạnh mẽ, các chỉ số đánh giá về cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh, chuyển đổi số được cải thiện. Đã thu hút được một số dự án đầu tư lớn, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đều đạt hoặc vượt so với yêu cầu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số xếp hạng chuyển đổi số (DTI 2022, 2023) xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia luôn đứng trong top 10 toàn quốc.

c) An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hàng năm, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, đảm bảo công khai, công bằng, đúng luật. Công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội được tăng cường và đạt nhiều kết quả; trật tự an toàn giao thông được triển khai tích cực. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài được chỉ đạo giải quyết dứt điểm, góp phần ổn định đề phát triển kinh tế - xã hội.

4.3. Tỉnh Hà Nam

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định... của Trung ương; xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh; quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, tập trung, thống nhất cao trong lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, đi sâu, đi sát cơ sở; giải quyết kịp thời các ý kiến, bức xúc của nhân dân, tạo sự đồng thuận, ủng hộ cao của toàn xã hội trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị. Xác định lợi thế sẵn có, điểm nghẽn, nút thắt và nhiệm vụ đột phá chiến lược, tập trung huy động mọi nguồn lực để triển khai thực hiện. Từ đó đã đạt được những bước phát triển mới về kinh tế - xã hội trên địa bàn, cụ thể:

a) Về phát triển kinh tế

- Tỉnh Hà Nam đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo và dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; tổng giá trị sản xuất công nghiệp (*giá so sánh 2010*) ước tính 05 năm đạt 1.059.151 tỷ đồng, gấp 2,2 lần giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 15,75%/năm. Tỉnh Hà Nam đã triển khai xây dựng, hoàn thiện Đề án thành lập Khu công nghệ cao Hà Nam, trình và được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Tập trung phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng khai thác tối đa, lợi thế về hạ tầng giao thông, dịch vụ logistics. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các Khu công nghiệp; xây dựng hạ tầng đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng phục vụ thu hút đầu tư. Đến nay, toàn tỉnh có 12 Khu công nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích 3.449 ha, trong đó có 08 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 90,81%. Một số cụm công nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả. Duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh

của các cơ sở trong làng nghề góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động trong làng nghề. Tích cực triển khai các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm làng nghề, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 15/9/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (*giá so sánh 2010*) 05 năm ước đạt 42.606,1 tỷ đồng, bình quân tăng 1,63%/năm. Dự kiến đến năm 2025, ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản chiếm 6,3% trong tổng cơ cấu kinh tế của tỉnh; cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi - thủy sản và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt - lâm nghiệp. Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, hiệu quả. Đến nay, tỉnh Hà Nam có 100% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 29 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 19 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; 100% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Dự kiến đến hết năm 2025, có 52/65 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp, đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phần đầu toàn tỉnh có ít nhất 12-14 làng nghề có sản phẩm được xếp hạng công nhận đạt sản phẩm OCOP hạng 3 sao trở lên.

- Thương mại, dịch vụ phát triển, từng bước hình thành hạ tầng thương mại, dịch vụ lớn, hiện đại. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 ước đạt 237.232 tỷ đồng, tăng bình quân 17,2%/năm. Đẩy mạnh quảng bá xúc tiến, tăng cường liên kết phát triển du lịch nhằm khai thác, phát triển đa dạng các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch theo tour, tuyến; phát triển du lịch theo hướng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, lịch sử gắn với tâm linh, tín ngưỡng, du lịch nông thôn; phát huy lợi thế đặc trưng của Khu du lịch Tam Chúc với các điểm du lịch kết nối như: Chùa Hương - Bái Đính - Tràng An - Chùa Bà Đanh - Núi Ngọc, Đền Trục - Ngũ Động Sơn... và du lịch các làng nghề... tạo thành điểm nhấn, đặc trưng thu hút khách du lịch; góp phần đưa Hà Nam trở thành một trong những điểm đến mới hấp dẫn, thu hút đông đảo khách du lịch đến tham quan, nghỉ dưỡng. Dự kiến năm 2025, đón khoảng 5,1 triệu lượt khách du lịch, tổng doanh thu ước đạt 4.300 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước đạt cao, giai đoạn 2021-2025 thu cân đối ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 23,4%/năm; tỷ lệ nợ đọng thuế trên tổng số thu ngân sách bình quân đạt 4,85%/năm, đảm bảo chỉ tiêu tiền thuế nợ không vượt quá 8% so với tổng số thu nộp vào ngân sách nhà nước. Năm 2022, tỉnh Hà Nam là tỉnh tự cân đối ngân sách, có điều tiết về ngân sách về Trung ương (9%). Chi ngân sách địa phương điều hành chủ động, linh hoạt, chặt chẽ, tiết kiệm, công khai, minh bạch, đúng quy định. Cơ cấu chi ngân sách chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển; các nhiệm vụ chi được đảm bảo theo dự

toán, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 ước thực hiện khoảng 90.260 tỷ đồng, trong đó dự kiến chi ngân sách năm 2025 là 32.490 tỷ đồng.

- Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tăng cường quản lý quy hoạch, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, thúc đẩy đô thị hoá và liên kết vùng; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/9/2021 về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; thực hiện đồng bộ công tác quy hoạch xây dựng, quản lý đầu tư phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị tăng trưởng xanh, văn minh, giàu bản sắc, có tính tiên phong dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP đến hết năm 2025 ước đạt 43,4%, giảm 13,9% so với năm 2020. Hạ tầng khung và kết cấu hạ tầng cơ sở được quan tâm đầu tư, tạo thuận lợi cho các hoạt động phát triển kinh tế xã hội; diện mạo của thành phố Phủ Lý đã có nhiều thay đổi, xứng tầm là đô thị trung tâm của tỉnh.

- Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Hoạt động đối ngoại ngày càng mở rộng, phát triển, thu hút đầu tư nước ngoài đạt kết quả tốt; từ năm 2021 đến hết năm 2024, trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 100 dự án FDI, lũy kế đến nay đã thu hút được 413 dự án FDI với vốn đăng ký 6.667 triệu USD.

b) Về văn hóa, xã hội

- Văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đảm bảo tốt an sinh xã hội, quan tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống Nhân dân; công tác thông tin, truyền thông, báo chí, phát thanh, truyền hình ngày càng đa dạng, phong phú, kịp thời cung cấp thông tin, định hướng dư luận xã hội, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, gương người tốt, việc tốt. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được quan tâm đầu tư hoàn thiện, các phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”*, *“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”*, *“Thực hiện nếp sống văn minh”* gắn với Cuộc vận động *“toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”* được triển khai sâu rộng, hiệu quả. Đến hết năm 2025: phần đầu tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 93%; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá đạt 83%; tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể thao thường xuyên đạt 32,3%; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hoá và nơi sinh hoạt cộng đồng; thể thao thành tích cao đạt được bước tiến vượt bậc cả về số lượng và chất lượng huy chương.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được coi trọng, đạt nhiều kết quả rất đáng khích lệ. Các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện được cải tạo, nâng cấp, đầu tư trang thiết bị theo hướng hiện đại; hình thành thêm nhiều cơ sở y tế tư nhân, đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Các chương trình mục tiêu y tế - dân số được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường về số lượng, nâng cao chất lượng. Dự kiến đến hết năm 2025 đạt 10 bác sĩ, 30 giường bệnh/vạn dân.

- Các phong trào đền ơn, đáp nghĩa, chế độ chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện tốt; xây dựng, triển khai các mô hình giảm nghèo bền vững, nhất là tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập, chống tái nghèo; gắn công tác giảm nghèo với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 0,67%/năm, theo kế hoạch đến hết năm 2025 giảm còn dưới 1%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo dự kiến đến hết năm 2025 đạt 75,5%, trong đó qua đào tạo có chứng chỉ bằng cấp là 34%. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành việc triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế dự kiến đến hết năm 2025 đạt trên 95,5%; tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 45%.

- Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển ổn định, vững chắc. Quy mô, mạng lưới trường, lớp tiếp tục được sắp xếp, bố trí phù hợp, thuận lợi, đáp ứng yêu cầu người học. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục được quan tâm đầu tư, từng bước được hiện đại hoá. Giữ vững chất lượng giáo dục phổ thông, hoàn thành và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục mũi nhọn ở thứ hạng cao. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn đạt được những kết quả tích cực. Công tác xã hội hoá giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai đồng bộ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 100%, trong đó có 60% trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn thiện, đồng bộ khu Đại học Nam Cao để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề, dạy nghề, trường đại học, cao đẳng và các trung tâm nghiên cứu phát triển với mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn với chất lượng cao của vùng đồng bằng sông Hồng.

- Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, thực hiện chuyển đổi số: Nhận thức của lãnh đạo, cán bộ, công chức, người dân về chuyển đổi số đã được nâng lên rõ rệt. Hạ tầng số được quan tâm đầu tư, nâng cấp, chất lượng ngày càng được nâng cao. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II được kết nối, liên thông đến 100% các sở, ban, ngành, UBND các cấp để triển khai các dịch vụ, các nền tảng số phục vụ việc quản lý, điều hành chung của tỉnh. Các nền tảng số đang dần được phát triển; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được triển khai xây dựng, kết nối, chia sẻ đã mang lại hiệu quả thiết thực. Xây dựng chính quyền số được đẩy mạnh, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Nam được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm.

Phát triển kinh tế số và xã hội số ngày càng được chú trọng. Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt Đề án số 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Hoàn thành thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử cho 100% công dân đủ điều kiện sớm nhất cả nước, có tỉ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho công dân đủ 14 tuổi trở lên cao nhất toàn quốc. Nhiều mô hình của Đề án 06 đã được triển khai hiệu quả, đi đầu trong toàn quốc.

c) Xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự, quốc phòng địa phương hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ đề ra. Đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ các cấp. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực, thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực, khả năng sẵn sàng chiến đấu, ứng phó kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ; tích cực, chủ động phòng chống thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh. Thực hiện chính sách hậu phương, quân đội.

Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đề án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng ngừa và đấu tranh, trấn áp tội phạm; hiệu quả, hiệu lực quản lý hành chính về trật tự xã hội được nâng lên. Đảm bảo tốt an ninh, trật tự để tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng, nhất là trong dịp lễ, tết, bầu cử và các sự kiện lớn của tỉnh. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; triển khai xây dựng trụ sở làm việc công an xã chính quy, hoàn thành việc bố trí Công an chính quy tại 100% xã, thị trấn trên địa bàn.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

5.1. *Tỉnh Ninh Bình*: HĐND tỉnh Ninh Bình đã ban hành 23 nghị quyết quy định các chính sách đặc thù (*chi tiết theo biểu số 01 gửi kèm*).

5.2. *Tỉnh Nam Định*: HĐND tỉnh Nam Định đã ban hành 12 nghị quyết quy định các chính sách đặc thù (*chi tiết theo biểu số 02 gửi kèm*).

5.3. *Tỉnh Hà Nam*: HĐND tỉnh Hà Nam đã ban hành 55 nghị quyết quy định các chính sách đặc thù (*chi tiết theo biểu số 03 gửi kèm*).

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

6.1. Tỉnh Ninh Bình

6.1.1 Khối Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể

a) Cấp tỉnh

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: 42 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 13 đồng chí, Thường trực Tỉnh ủy: 03 đồng chí.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: 05 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy. Biên chế: 150 cán bộ, công chức.

- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh: Ban Chấp hành Đảng ủy: 23 đồng chí, Ban Thường vụ Đảng ủy: 08 đồng chí, Thường trực Đảng ủy: 03 đồng chí.

+ Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức, Cơ quan Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Văn phòng.

+ Biên chế: 09 cán bộ, công chức.

- Đảng ủy UBND tỉnh: Ban Chấp hành Đảng ủy: 25 đồng chí, Ban Thường vụ Đảng ủy: 07 đồng chí, Thường trực Đảng ủy: 02 đồng chí.

+ Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức, Cơ quan Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Văn phòng.

+ Biên chế: 13 cán bộ, công chức.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy: 02 đơn vị sự nghiệp, gồm: Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình và Trường Chính trị tỉnh. Biên chế: 180 viên chức.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 06 cơ quan, gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh đoàn. Biên chế: 130 cán bộ, công chức, viên chức.

b) Cấp huyện

- Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện, thành phố: 259 đồng chí, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện: 75 đồng chí, thường trực cấp ủy cấp huyện: 21 đồng chí.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện: 28 cơ quan (mỗi huyện, thành ủy có 04 cơ quan) gồm: Ban Tổ chức, Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Văn phòng. Biên chế: 176 cán bộ, công chức.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy cấp huyện: 07 đơn vị (mỗi huyện ủy, thành ủy có Trung tâm Chính trị huyện, thành phố). Biên chế: 32 viên chức.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 42 cơ quan (mỗi huyện, thành phố có 06 cơ quan, gồm: Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Liên đoàn lao động và Đoàn thanh niên). Biên chế: 147 cán bộ, công chức và 03 viên chức.

6.1.2. Khối chính quyền

a) Cấp tỉnh

* Khối cơ quan thuộc HĐND tỉnh:

- Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan (gồm Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế, Ban Văn hóa Xã hội và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh).

- Biên chế: 30 công chức.

* Khối cơ quan thuộc UBND tỉnh:

- Tổ chức bộ máy:

+ 13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp*);

+ 01 tổ chức hành chính khác (*Ban Quản lý các Khu công nghiệp*)

+ 101 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: 04 đơn vị thuộc UBND tỉnh (*Trường Đại học Hoa Lư, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn*) và 97 đơn vị thuộc sở ngành và chi cục.

- Biên chế: 878 công chức, 5.296 người làm việc (viên chức) hưởng lương ngân sách nhà nước.

b) Cấp huyện

* Khối cơ quan thuộc HĐND cấp huyện:

- Tổ chức bộ máy: 14 ban (Mỗi UBND huyện, thành phố có 02 ban gồm Ban Kinh tế xã hội, Ban Pháp chế)

- Biên chế: 24 công chức.

* Khối cơ quan thuộc UBND cấp huyện:

- Tổ chức bộ máy:

+ 71 cơ quan chuyên môn (*thành phố Hoa Lư, thành phố Tam Điệp, các huyện: Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khánh, Kim Sơn: 10 phòng/đơn vị gồm Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Nội vụ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Phòng Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra; riêng huyện Nho Quan có thêm phòng Dân tộc và Tôn giáo*).

+ 463 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện.

- Biên chế: 544 công chức, 13.486 người làm việc (viên chức) hưởng lương ngân sách nhà nước.

c) Cấp xã: 2.623 cán bộ, công chức cấp xã

6.2. Tỉnh Nam Định

6.2.1 Khối Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể

a) Cấp tỉnh

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: 49 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 14 đồng chí, Thường trực Tỉnh ủy: 03 đồng chí.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: 05 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy. Biên chế: 141 cán bộ, công chức.

- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh

+ Ban Chấp hành Đảng ủy: 18 đồng chí, Ban Thường vụ Đảng ủy: 09 đồng chí, Thường trực Đảng ủy: 03 đồng chí.

+ Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức; Cơ quan Ủy ban kiểm tra; Ban Tuyên giáo và Dân vận; Văn phòng.

- + Biên chế: 12 cán bộ, công chức.
- Đảng ủy UBND tỉnh
- + Ban Chấp hành Đảng ủy: 23 đồng chí, Ban Thường vụ Đảng ủy: 07 đồng chí, Thường trực Đảng ủy: 03 đồng chí.
- + Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức; Cơ quan Ủy ban kiểm tra; Ban Tuyên giáo và Dân vận; Văn phòng.
- + Biên chế: 13 cán bộ, công chức.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy: 02 đơn vị, gồm: Báo Nam Định và Trường Chính trị tỉnh. Biên chế: 137 viên chức.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 06 cơ quan, gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh đoàn. Biên chế: 177 cán bộ, công chức, viên chức.

b) Cấp huyện

- Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện, thành phố: 341 đồng chí, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện: 94 đồng chí, thường trực cấp ủy cấp huyện: 26 đồng chí.
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện: 36 cơ quan (mỗi huyện, thành ủy có 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức; Ủy ban Kiểm tra; Ban Tuyên giáo và Dân vận; Văn phòng).
- + Biên chế: 267 cán bộ, công chức.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy cấp huyện: 09 cơ quan (mỗi huyện, thành ủy có 01 đơn vị là Trung tâm Chính trị huyện, thành phố). Biên chế: 29 viên chức.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 54 cơ quan (mỗi huyện, thành phố có 06 cơ quan, gồm: Mặt trận Tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, liên đoàn lao động và đoàn thanh niên. Biên chế: 222 cán bộ, công chức.

6.2.2. Khối chính quyền

a) Cấp tỉnh

* Khối cơ quan thuộc HĐND tỉnh:

- Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan (gồm Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế, Ban Văn hóa Xã hội và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Biên chế: 36 công chức.

* Khối cơ quan thuộc UBND tỉnh:

- Tổ chức bộ máy:

+ 12 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp*);

+ 01 tổ chức hành chính khác (*Ban Quản lý các Khu công nghiệp*)

+ 104 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: 03 đơn vị thuộc UBND tỉnh (*Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Nam Định; Trường Cao đẳng kinh tế và công nghệ Nam Định,*) và 101 đơn vị thuộc sở ngành và chi cục.

- Biên chế: 1.088 công chức, 4.630 người làm việc (viên chức) hưởng lương ngân sách nhà nước.

b) Cấp huyện

* Khối cơ quan thuộc HĐND cấp huyện:

- Tổ chức bộ máy: 18 ban (Mỗi UBND huyện, thành phố có 02 ban gồm Ban Kinh tế xã hội, Ban Pháp chế)

- Biên chế: 28 công chức.

* Khối cơ quan thuộc UBND cấp huyện:

- Tổ chức bộ máy:

+ 81 cơ quan chuyên môn (*mỗi huyện, thành phố có 09 phòng, gồm: Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện; Phòng Nội vụ; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Nông nghiệp và Môi trường; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Tư pháp; Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra huyện*).

+ 729 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện.

- Biên chế: 801 công chức và 25.508 người làm việc (viên chức) hưởng lương ngân sách nhà nước.

c) Cấp xã: 4.328 cán bộ, công chức cấp xã.

6.3. Tỉnh Hà Nam

6.3.1 Khối Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể

a) Cấp tỉnh

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: 49 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 14 đồng chí, Thường trực Tỉnh ủy: 03 đồng chí.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: 05 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy. Biên chế: 137 cán bộ, công chức.

- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh

+ Ban Chấp hành Đảng ủy: 20 đồng chí, Ban Thường vụ Đảng ủy: 08 đồng chí, Thường trực Đảng ủy: 03 đồng chí.

- Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức; Cơ quan Ủy ban kiểm tra; Ban Tuyên giáo và Dân vận; Văn phòng.

- Biên chế: Có 11 cán bộ, công chức.

- Đảng ủy UBND tỉnh: Ban Chấp hành Đảng ủy: 25 đồng chí, Ban Thường vụ Đảng ủy: 09 đồng chí, Thường trực Đảng ủy: 03 đồng chí.

+ Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức; Cơ quan Ủy ban Kiểm tra; Ban Tuyên giáo và Dân vận; Văn phòng.

+ Biên chế: 10 cán bộ, công chức.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy: 02 đơn vị, gồm: Báo Hà Nam và Trường Chính trị tỉnh. Biên chế: 128 viên chức.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 06 cơ quan, gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh đoàn. Biên chế: 138 cán bộ, công chức, viên chức.

b) Cấp huyện

- Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố: 194 đồng chí, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện: 51 đồng chí, thường trực cấp ủy cấp huyện: 18 đồng chí.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện: 24 cơ quan (mỗi huyện, thị, thành ủy có 04 cơ quan, gồm: Ban Tổ chức; Ủy ban Kiểm tra; Ban Tuyên giáo và Dân vận; Văn phòng). Biên chế: 156 cán bộ, công chức.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy cấp huyện: 06 đơn vị (mỗi huyện, thị, thành ủy có 01 đơn vị là Trung tâm Chính trị huyện, thị xã, thành phố). Biên chế: 21 viên chức.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 06 cơ quan, gồm: Mặt trận Tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, liên đoàn lao động và đoàn thanh niên. Biên chế: 143 cán bộ, công chức.

6.3.2. Khối chính quyền

a) Cấp tỉnh

* Khối cơ quan thuộc HĐND tỉnh:

- Tổ chức bộ máy: 04 cơ quan (gồm Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế, Ban Văn hóa Xã hội và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Biên chế: 29 công chức.

* Khối cơ quan thuộc UBND tỉnh:

- Tổ chức bộ máy:

+ 12 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp*);

+ 02 tổ chức hành chính khác (*Ban Quản lý các Khu công nghiệp; Ban Quản lý khu đại học Nam Cao*).

+ 71 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: 02 đơn vị thuộc UBND tỉnh (*Trường Cao đẳng nghề tỉnh Hà Nam; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh*) và 69 đơn vị thuộc sở ngành.

- Biên chế: 784 công chức, 2.610 người làm việc (viên chức) hưởng lương ngân sách nhà nước.

b) Cấp huyện

* Khối cơ quan thuộc HĐND cấp huyện:

- Tổ chức bộ máy: 12 ban (*Mỗi UBND huyện, thành phố có 02 ban gồm Ban Kinh tế xã hội, Ban Pháp chế*).

- Biên chế: 20 công chức.

* Khối cơ quan thuộc UBND cấp huyện:

- Tổ chức bộ máy:

+ 60 cơ quan chuyên môn (*mỗi huyện, thành phố, thị xã có 10 phòng gồm Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Nội vụ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Phòng Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra*).

+ 372 đơn vị sự nghiệp trực thuộc

- Biên chế: 407 công chức, 12.607 người làm việc (viên chức) hưởng lương ngân sách nhà nước.

c) Cấp xã: 2.099 cán bộ, công chức cấp xã.

(chi tiết theo biểu số 04 gửi kèm).

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Phương án

1.1. Thành lập tỉnh Ninh Bình trực thuộc Trung ương trên cơ hợp nhất 03 tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thành 01 tỉnh lấy tên là tỉnh Ninh Bình, Trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Ninh Bình hiện nay.

1.2. Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp:

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/10/2017 (khóa XII); Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 (khóa XIII); Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Cơ bản phù hợp với quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch tỉnh của 03 địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phát huy được những điểm mạnh của 03 tỉnh; mở rộng không gian phát triển; mở rộng, kết nối được 03 vùng miền núi, đồng bằng, ven biển; phù hợp với truyền thống văn hóa, lịch sử; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính mới, bảo đảm hài hòa, hợp lý, tránh sự mất cân đối giữa các địa phương khi sáp nhập; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Đảm bảo nguyên tắc sử dụng một trong các tên đã có sẵn, dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, có truyền thống lịch sử, thương hiệu địa phương; hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng tới người dân, doanh nghiệp do phải chuyển đổi giấy tờ, chỉ dẫn địa lý. Vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, dễ dàng kết nối với các khu vực trong nội tỉnh, thành phố và các đô thị lớn, trung tâm kinh tế của cả nước, các khu vực và không gian biển.

2. Kết quả

Tỉnh Ninh Bình có: 3.942,61 km² đạt 112,645% theo tiêu chuẩn của tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Hồng và đạt 262,84% theo tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương. Quy mô dân số 4.412.264 người đạt 315,16% theo tiêu chuẩn của tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng và đạt 882,45% theo tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương, có 129 ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc (97 xã, 32 phường).

- Nơi Trung tâm hành chính - chính trị của đơn vị hành chính: tỉnh Ninh Bình hiện nay.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: không có.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tác động tích cực

1.1. Tác động đến công tác quản lý nhà nước

- Thực hiện sắp xếp ĐVHC tạo ra thay đổi tích cực, hướng đến nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm ngân sách nhà nước chi cho việc bảo đảm hoạt động của bộ máy quản lý.

- Thông qua việc sắp xếp ĐVHC, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng hiệu suất làm việc và trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ.

- Khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương; góp phần kết nối đồng bộ cơ sở hạ tầng; chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm tốt trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế giữa các khu vực có trình độ quản lý và phát triển kinh tế cao với khu vực liền kề.

1.2. Tác động đến phát triển kinh tế

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh thành các ĐVHC mới có quy mô lớn, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương, tạo thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng thương mại, dịch vụ, tạo kết nối và giao lưu phát triển giữa các địa phương, từ đó nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế địa phương, đủ tiềm lực để cạnh tranh với các ĐVHC của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh cùng với việc triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sẽ góp phần giải quyết triệt để các vấn đề về sử dụng tài nguyên, môi trường, khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương về điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

1.3. Tác động về xã hội

- Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh giúp quy hoạch tốt hơn về hạ tầng, giao thông, tăng nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế địa phương, thu hút doanh nghiệp và nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; tạo thêm việc làm, thu nhập cho người dân.

- Việc mở rộng quy mô ĐVHC tạo điều kiện giải quyết tốt hơn các vấn đề về ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý chất thải, các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn.

- Trên cơ sở ĐVHC cấp tỉnh mới có quy mô dân số và diện tích lớn hơn, cùng với việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp cơ sở, chính quyền cơ sở trực tiếp quyết định và giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân trên địa bàn.

- Sự tương đồng giữa các cộng đồng dân cư của các ĐVHC thực hiện sắp xếp tạo điều kiện cho việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hoá làm tiền đề cho việc xây dựng các hoạt động du lịch, văn hóa, hỗ trợ phát triển kinh tế.

1.4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

- Sau khi sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh thì diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp tỉnh mới lớn hơn, thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch tác chiến, phòng thủ theo địa bàn, khu vực.

- Sau sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của lực lượng quân sự, công an. Từ đó, công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở ổn định hơn.

1.5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

- Tiết kiệm ngân sách nhà nước hàng năm cho thực hiện cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công do giảm số lượng ĐVHC.

- Có điều kiện tập trung nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp.

2. Tác động tiêu cực

2.1. Tác động đến công tác quản lý nhà nước

- Việc sắp xếp ĐVHC bước đầu có thể gây ra các khó khăn về địa lý, giao thông đi lại của người dân và doanh nghiệp khi có liên hệ công tác, giải quyết thủ tục hành chính với chính quyền cấp cơ sở; số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dồi dào dư thừa, khó khăn trong công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với đội ngũ dồi dào dư thừa sau sắp xếp.

- Năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức vẫn chưa thể đáp ứng được yêu cầu mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, là thách thức trong quá trình thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.

- Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức tác động, ảnh hưởng đến tâm tư nguyện vọng của một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức.

2.2. Tác động đến phát triển kinh tế

- Sắp xếp ĐVHC sẽ có phát sinh chi ngân sách để khắc con dấu pháp lý mới và để thực hiện chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, chỉnh lý, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

- Khi sắp xếp các ĐVHC, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư có thể bị thay đổi, gây gián đoạn hoạt động sản xuất - kinh doanh; các chính sách ưu đãi trước đây có thể bị mất đi hoặc điều chỉnh theo đơn vị hành chính mới, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và nhà đầu tư; việc thay đổi địa giới hành chính có thể làm ảnh hưởng đến quy hoạch kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công.

- Một số doanh nghiệp và người dân có thể lo ngại việc thay đổi địa giới hành chính sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi, nhất là về thuế, đất đai, vay vốn kinh doanh. Tâm lý chưa quen với sự thay đổi có thể làm chậm tiến trình chuyển đổi, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

2.3. Tác động về xã hội

Việc thay đổi địa giới hành chính ảnh hưởng trực tiếp đến các thông tin cá nhân trong hồ sơ, giấy tờ của người dân.

2.4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

Sau khi sắp xếp ĐVHC sẽ dẫn đến địa bàn rộng hơn, không còn cấp trung gian là cấp huyện thì khi phát sinh các vấn đề xã hội tại các khu dân cư có thể khó được giải quyết kịp thời, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

2.5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

- Sau khi sắp xếp, cùng với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đòi hỏi phải tính toán, xác lập lại các quy trình giải quyết thủ tục hành chính cho phù hợp với thẩm quyền của cấp tỉnh và cấp xã, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.

- Việc sắp xếp ĐVHC làm khối lượng công việc liên quan đến thủ tục hành chính sẽ gia tăng đột biến do phải thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Tổ chức Đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy

Căn cứ Điều lệ Đảng, Quy định thi hành Điều lệ Đảng, các văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương để thành lập các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh, cấp xã.

1.2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội) theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1.3. Tổ chức chính quyền địa phương sau khi sắp xếp các ĐVHC

Thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

a) Hội đồng nhân dân (HĐND) của ĐVHC cấp tỉnh mới thành lập

- Khóa của HĐND được tiếp tục tính theo khóa của HĐND ở ĐVHC được giữ nguyên tên gọi sau sắp xếp.

- Thực hiện nhập nguyên trạng các cơ quan thuộc HĐND cấp tỉnh được tổ chức thống nhất ở các địa phương và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phù hợp với quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) UBND của ĐVHC cấp tỉnh mới thành lập

- Thực hiện nhập nguyên trạng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh có cùng chức năng, nhiệm vụ; đối với các cơ quan chuyên

môn và tổ chức hành chính khác không cùng chức năng, nhiệm vụ thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Việc tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công lập trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp thực hiện theo Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Văn bản số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý

- Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý của ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Trung ương.

- Về số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan, tổ chức ĐVHC cấp tỉnh trước sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực của cán bộ, công chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo phân cấp quản lý, xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau sắp xếp. Đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo phân cấp quản lý, xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức.

- Trước mắt, số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc chính quyền địa phương ở ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

2.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo quy định

- Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC bảo đảm yêu cầu tinh giản gọn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với thực tiễn của địa phương.

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có mặt tại các ĐVHC cấp tỉnh trước sắp xếp. Trước mắt, giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng hoặc bố trí công tác tại cấp xã. Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

3.1. Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp ĐVHC mà vẫn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

3.2. Căn cứ quy định của Chính phủ, quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, UBND tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong quá trình sắp xếp ĐVHC, tổ chức bộ máy bảo đảm đúng đối tượng và quyền, lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp ĐVHC.

3.3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo phân cấp thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3.4. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án sắp xếp trụ sở làm việc, cơ sở vật chất

a) Thực trạng

- Tỉnh Ninh Bình: Tổng cộng có 167 cơ sở nhà đất thuộc khối cơ quan, tổ chức đơn vị cấp tỉnh quản lý.

- Tỉnh Nam Định: Tổng cộng có 111 cơ sở nhà đất thuộc khối cơ quan, tổ chức đơn vị cấp tỉnh quản lý.

- Tỉnh Hà Nam: Tổng cộng có 95 cơ sở nhà đất thuộc khối cơ quan, tổ chức đơn vị cấp tỉnh quản lý.

b) Phương án sắp xếp

- Trên cơ sở phương án sắp xếp tổ chức bộ máy khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp; căn cứ kết quả rà soát hiện trạng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của 03 tỉnh trước sắp xếp để xây dựng phương án bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Trụ sở Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các sở và cơ quan tương đương sau sắp xếp đặt tại thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở sử dụng trụ sở các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh Ninh Bình hiện nay. Căn cứ số lượng cán bộ công chức và tình hình thực tế, sẽ bố trí nơi làm việc cho cán bộ, công chức theo định mức quy định.

- Các cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục trước mắt giữ nguyên hiện trạng.

- Đối với các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến người dân và doanh nghiệp (thủ tục hành chính, tiếp công dân, tài nguyên, môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự ...) thì căn cứ vào tình hình thực tế có thể bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ công chức, viên chức, người làm việc đồng thời tại các cơ sở và sử dụng trụ sở làm việc hiện tại của các tỉnh Nam Định, Hà Nam (trước sắp xếp).

2. Phương án bố trí, sắp xếp, xử lý các tài sản công khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp)

2.1. Đối với xe ô tô

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau hợp nhất tiếp nhận nguyên trạng xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trước sắp xếp. Sau khi sắp xếp căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định hiện hành để rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2.2. Đối với máy móc, thiết bị và các tài sản khác

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau hợp nhất tiếp nhận nguyên trạng máy móc, thiết bị và các tài sản khác hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trước sắp xếp để tiếp tục sử dụng. Trường hợp dồi dư thì thực hiện điều hoà giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh cho phù hợp, hoặc xử lý theo quy định.

3. Phương án hỗ trợ phương tiện đi lại (từ tỉnh cũ đến Trung tâm Chính trị - hành chính mới), chi phí lưu trú cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; phương án bố trí về nhà ở công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Ngay sau khi hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, UBND tỉnh nghiên cứu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để hỗ trợ phương tiện đi lại, chi phí lưu trú cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để đáp ứng nhiệm vụ yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Kế hoạch, lộ trình thực hiện

1.1. Phối hợp xây dựng, thông qua Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh. *Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trong ngày 20/4/2025.*

1.2. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình về nội dung Đề án. *Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trong ngày 23/4/2025.*

1.3. Tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp thông qua dự thảo Đề án. *Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trong ngày 28/4/2025.*

1.4. Hoàn thiện Hồ sơ Đề án trình Chính phủ, Bộ Nội vụ: *Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 01/5/2025.*

1.5. Tổ chức công bố và triển khai Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC các cấp của tỉnh Ninh Bình. *Thời gian thực hiện: sau 10 ngày, kể từ khi Nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực thi hành.*

1.6. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức của ĐVHC các cấp mới được thành lập sau khi thực hiện sắp xếp:

- Rà soát, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, dự kiến bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, tổ chức tại

ĐVHC các cấp mới thành lập; dự kiến số lượng, phương án giải quyết các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC các cấp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (*hoàn thành trước ngày 25/7/2025*).

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức tại ĐVHC các cấp sau khi thực hiện sắp xếp. Thời gian thực hiện: Trong 10 ngày, kể từ khi Nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực thi hành (*hoàn thành trước ngày 25/7/2025*).

1.7 Xây dựng kế hoạch, lộ trình sắp xếp số lượng lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, tổ chức ở ĐVHC mới thành lập đảm bảo đúng quy định của Trung ương. *Thời gian thực hiện: chậm nhất 05 năm, kể từ khi Nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực thi hành.*

1.8. Thực hiện sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công và thu hồi con dấu các cơ quan, tổ chức liên quan; sắp xếp, chỉnh lý, số hoá tài liệu để quản lý tài liệu lưu trữ, bố trí địa điểm bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ. *Thời gian thực hiện: theo quy định Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.*

1.9. Tổ chức thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi do thay đổi địa giới ĐVHC. *Thời gian thực hiện: sau khi có Nghị quyết của Quốc hội và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, hướng dẫn của các sở, ban, ngành.*

1.10. Rà soát, thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù và chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia. *Thời gian thực hiện theo quy định Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.*

1.11. Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ công chức viên chức và người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC các cấp. *Thời gian thực hiện: trong thời hạn 05 năm, kể từ khi Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ có hiệu lực thi hành.*

1.12. Tổ chức thực hiện phân loại ĐVHC và lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp. *Thời gian thực hiện trong thời hạn 06 tháng, kể từ khi Nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực thi hành.*

1.13. Sơ kết, tổng kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp. *Thời gian thực hiện theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ.*

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

2.1. Tỉnh ủy các tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định (trước khi hợp nhất)

Tỉnh ủy Ninh Bình chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Tỉnh ủy Hà Nam, Tỉnh ủy Nam Định:

- Chỉ đạo xây dựng Đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh theo quy định.

- Chuẩn bị dự thảo các văn kiện của cấp ủy tỉnh, thành phố (*sau khi hợp nhất*) và các công việc chuẩn bị tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố (*sau khi hợp nhất*) nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Xây dựng phương án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND, HĐND cấp tỉnh theo Kết luận của cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong việc tham mưu Bộ Chính trị chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh (*sau khi hợp nhất*) nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo Kết luận của Bộ Chính trị.

2.2. HĐND các tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định (*trước khi hợp nhất*)

HĐND tỉnh Ninh Bình chủ trì, phối hợp chặt chẽ với HĐND tỉnh Hà Nam, HĐND tỉnh Nam Định: chỉ đạo nghiên cứu, chuẩn bị các nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức, bộ máy và các điều kiện bảo đảm công tác của các cơ quan thuộc HĐND tỉnh, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.3. UBND các tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định (*trước khi hợp nhất*)

UBND tỉnh Ninh Bình chủ trì, phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh Hà Nam, UBND tỉnh Nam Định: chỉ đạo, xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp; điều chuyển biên chế, nhân sự; rà soát, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, dự kiến bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, tổ chức tại ĐVHC các cấp mới thành lập; dự kiến số lượng, phương án giải quyết các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC các cấp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Thời gian thực hiện: Trong 10 ngày, kể từ khi Nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực thi hành (*hoàn thành trước ngày 25/7/2025*).

2.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của các tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định:

phối hợp tổ chức tuyên truyền, quán triệt thực hiện các Văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân và dư luận xã hội trong thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2.5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định (*trước khi hợp nhất*)

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Ninh Bình chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Nam, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Nam Định:

- Chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng các nội dung liên quan đến kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, kiện toàn Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Chủ trì tham mưu phương án kiện toàn các chức danh cán bộ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong quá trình kiện toàn các cấp ủy, lãnh đạo các ban, sở, ngành, đoàn thể của tỉnh theo tiến độ yêu cầu.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh là cần thiết, đáp ứng theo tinh thần của Nghị quyết, kết luận của Đảng, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn Bộ Nội vụ về việc sắp xếp ĐVHC và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, nhằm tổ chức lại ĐVHC cấp tỉnh thành lập sau sắp xếp có diện tích tự nhiên, quy mô dân số đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội.

Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh của tỉnh Ninh Bình, tỉnh Nam Định, tỉnh Hà Nam hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương của Đảng, Nhà nước. Khi sắp xếp sẽ giảm được 02 ĐVHC cấp tỉnh; kết thúc hoạt động của 22 ĐVHC cấp huyện, giảm được 269 xã (đạt 67,58%); đồng thời, tinh giảm số lượng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động góp phần giảm chi ngân sách nhà nước, mở rộng quy mô địa bàn, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho ĐVHC mới thành lập.

Tuy nhiên, việc sắp xếp ĐVHC là việc lớn, có tác động đến nhiều người dân trên địa bàn các tỉnh; là công việc nhạy cảm, phức tạp, thực hiện trong thời gian ngắn, triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình phát triển kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn; tác động lớn đến tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; tác động đến tư tưởng, tâm lý của nhân dân, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Việc sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư và trụ sở, tài sản công của các ĐVHC sau sắp xếp cần có thời gian để hoàn thành.

Vì vậy trong quá trình triển khai thực hiện cần tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; làm tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ công chức, tuyên truyền, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân; phương pháp triển khai thực hiện cần chuẩn bị kỹ lưỡng, khoa học, kiên trì vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền tại các địa phương, quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu kế hoạch đã đề ra.

2. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các cấp có thẩm quyền quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện để tỉnh Ninh Bình (sau sắp xếp) phát triển trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên đây là Đề án hợp nhất tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định. UBND tỉnh Ninh Bình kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./

Nơi nhận:

- Chính phủ;
 - Bộ Nội vụ;
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định;
 - Thường trực HĐND tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định;
 - Ủy ban MTTQ VN tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định;
 - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định;
 - Lưu: VT, các VP.
- LQ_VP7_NV.2025

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Ngọc



Phụ lục 1.1

**THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**
(Kèm theo Đề án số **05** /ĐA-UBND ngày **29**/4/2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ ^(*) (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ ^(*) (%)	GRDP ^(**) (Triệu đồng)	Tổng thu NSNN (Triệu đồng)	Thu nhập BQ đầu người (Triệu đồng/năm)		Xã	Phường	Tổng số	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Hiện trạng												
1	Ninh Bình	1.411,86	40,339	1.135.668	81,12	98.855.225	20.786.355	71,4	125	31	8	39	ĐVHC nông thôn ở vùng Đồng bằng sông Hồng
2	Hà Nam	861,93	24,627	1.013.705	72,41	98.097.614	19.451.801	65,6	98	17	16	33	
3	Nam Định	1.668,82	47,681	2.262.891	161,64	113.329.211	14.780.789	71,1	175	49	8	57	
II	Kết quả Cấp tỉnh mới	3.942,61	112,65	4.412.264	315,16	310.282.050	55.018.945		398	97	32	129	

Ghi chú:

(*) Tỷ lệ theo tiêu chuẩn diện tích, dân số quy định theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-CP của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (diện tích: trên 3.500 km²; dân số 1.400.000 người)

(**) Quy mô GRDP, tổng thu NSNN, thu nhập BQ đầu người theo số liệu của Bộ Tài chính)



TỈNH NINH BÌNH

Phụ lục 1.2

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC ĐVHC CẤP TỈNH SAU SẮP XẾP**
(Kèm theo Đề án số 05 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, ... và các chính sách của địa phương)
	1	2	3	4
I	Tỉnh Ninh Bình			
1	Cán bộ, công chức (tỉnh, huyện, xã)	4.773	4.507	113
2	Viên chức (hưởng lương NSNN)	18.927	18.210	587
II	Tỉnh Hà Nam			
1	Cán bộ, công chức (tỉnh, huyện, xã)	3.974	3.653	341
2	Viên chức (hưởng lương NSNN)	15.369	14.697	114
III	Tỉnh Nam Định			
1	Cán bộ, công chức (tỉnh, huyện, xã)	7.175	6.371	178
2	Viên chức (hưởng lương NSNN)	30.388	27.604	165
IV	TỔNG			
1	Cán bộ, công chức (tỉnh, huyện, xã)	15.307	13.969	632
2	Viên chức (hưởng lương NSNN)	64.532	66.366	866



PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG
DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án số **05** /ĐA-UBND ngày **29** /4/2025 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin trụ sở công	Số lượng hiện có	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Số lượng không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	
1	Tỉnh Ninh Bình	167	165	0	2	1	1	0	0	0	
2	Tỉnh Nam Định	95	87	8	0	6	2	0	0	0	
3	Tỉnh Hà Nam	111	105	0	6	6	0	0	0	0	



Biểu số 01: Chính sách hỗ trợ của tỉnh Ninh Bình
(Kèm theo Đề án số 05 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của UBND tỉnh)

(1). Nghị quyết số 35/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức được luân chuyển về công tác tại xã, phường, thị trấn và chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách cấp xã do yêu cầu phải bố trí, sắp xếp lại;

(2). Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 Về việc Quy định mức học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ sinh hoạt phí đối với học sinh hệ chuyên của Trường trung học phổ thông chuyên Lương Văn Tụy, tỉnh Ninh Bình;

(3). Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND 12/12/2018 sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 103/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 Quy định chính sách hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(4). Nghị quyết 25/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 Về việc ban hành quy định nội dung chi, mức chi, mức hỗ trợ dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình;

(5). Nghị quyết số 69/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 Về việc hỗ trợ kinh phí đối với các trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2025;

(6). Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 27/5/2020 Quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

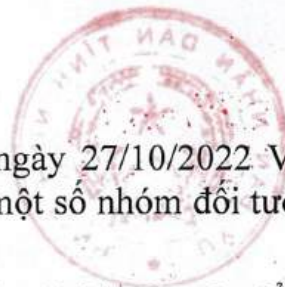
(7). Nghị quyết 37/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 (sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 04/12/2024) Về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích tài năng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(8). Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(9). Nghị quyết 130/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 (sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023) Ban hành Quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và hỗ trợ một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

(10) Nghị quyết số 129/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

(11). Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết 99/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; bãi bỏ một phần tại Nghị quyết số Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 04/12/2024 Quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025;



(12). Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 27/10/2022 Về việc Quy định hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm y tế đối với một số nhóm đối tượng có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(13). Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 04/12/2024 Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2025;

(14). Nghị quyết 102/2023/NQ-HĐND 12/7/2023 Về việc quy định chính sách hỗ trợ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(15). Nghị quyết 105/2023/NQ-HĐND 12/7/2023 Về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2030;

(16). Nghị quyết 11/2023/NQ-HĐND 08/12/2023 Quy định mức hỗ trợ đối với giám định viên tư pháp và người giúp việc cho giám định viên tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự và pháp y trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(17). Nghị quyết 14/2023/NQ-HĐND 08/12/2023 Về việc quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(18). Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND 08/12/2023 Về việc ban hành quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng-Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(19). Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND 08/12/2023 quy định một số chính sách hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

(20). Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 04/12/2024 Quy định đối tượng, nội dung và mức chi thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ, ngày Quốc khánh, ngày Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung thu, ngày Quốc tế Người cao tuổi hằng năm của tỉnh Ninh Bình;

(21). Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

(22). Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 Quy định một số chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

(23). Nghị quyết số 108/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND các cấp tỉnh Ninh Bình./.



Biểu số 02: Danh mục các chính sách hỗ trợ của tỉnh Nam Định
(Kèm theo Đề án số 05 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của UBND tỉnh)

(1) Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Nam Định;

(2) Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2020-2025;

(3) Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi khoản 2 Điều 15 Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Nam Định được ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định;

(4) Nghị quyết số 67/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Tâm thần và Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Nam Định;

(5) Nghị quyết số 76/2022/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của HĐND tỉnh quy định chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có bằng tốt nghiệp sau đại học;

(6) Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định;

(7) Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Nam Định được ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định;

(8) Nghị quyết số 77/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với trẻ em khuyết tật còn khả năng tiếp thu nghề tại Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Nam Định;

(9) Nghị quyết số 142/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách tín dụng ưu đãi giải quyết việc làm bền vững trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2024-2030;

(10) Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định;

(11) Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số

56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định;

(12) Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định./.



Biểu số 03: Danh mục chính sách hỗ trợ của tỉnh Hà Nam

(Kèm theo Đề án số 05 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của UBND tỉnh)

- (1) Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 quy định mức chi ngân sách đối với một số lĩnh vực thể dục, thể thao tỉnh Hà Nam;
- (2) Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 16/07/2014 Về mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (3) Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 quy định nội dung, mức chi đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (4) Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (5) Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 quy định một số mức chi hỗ trợ thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (6) Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 quy định mức chi đảm bảo hoạt động của Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh;
- (7) Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 13/07/2018 quy định nội dung, mức chi kinh phí ngân sách Nhà nước cho công tác quản lý Nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (8) Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định về một số mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban MTTQ tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban MTTQ cấp huyện của tỉnh Hà Nam;
- (9) Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 quy định một số chính sách ưu đãi theo lĩnh vực, địa bàn đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (10) Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 về mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (11) Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi ngân sách đối với một số lĩnh vực thể dục, thể thao tỉnh Hà Nam;
- (12) Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (13) Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- (14) Nghị quyết số 42/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 quy định chính sách hỗ trợ hộ nghèo có thành viên thuộc đối tượng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(15) Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng đối với nhà văn hóa thôn, tổ dân phố sau khi sáp nhập;

(16) Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 25/03/2020 về chủ trương ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng và xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(17) Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 14/07/2020 Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(18) Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 Quy định mức quà tặng đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ nhân dịp ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, Tết Nguyên đán hàng năm, đối tượng NCC được đi điều dưỡng tập trung và nhân khẩu thuộc hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm;

(19) Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 ban hành quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Hà Nam;

(20) Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định tiền công, nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh;

(21) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/04/2022 quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất (từ các dự án có thu tiền sử dụng đất) cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án trọng điểm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(22) Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/04/2022 quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất từ các vị trí đấu giá quyền sử dụng đất cho ngân sách huyện Thanh Liêm để tạo nguồn vốn thực hiện Đề án xây dựng Trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm đến năm 2025;

(23) Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 20/04/2022 ban hành quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(24) Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 04/08/2022 quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(25) Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các dự án quan trọng phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

(26) Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(27) Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi một số nội dung Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(28) Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi một số nội dung Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(29) Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 24/04/2023 quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các dự án quan trọng phát triển kinh tế-xã hội địa phương;

(30) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/07/2023 quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất (từ các dự án có thu tiền sử dụng đất) cho ngân sách huyện Thanh Liêm và huyện Bình Lục để tạo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương;

(31) Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 15/05/2024 quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023 – 2025;

(32) Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 15/05/2024 Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, chế độ, chính sách đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và điều kiện bảo đảm hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(33) Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 17/07/2024 về việc quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Hà Nam thi đấu lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia;

(34) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/07/2024 quy định mức hỗ trợ đối với Bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách, Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng nghỉ công tác do kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(35) Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17/07/2024 quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(36) Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 ban hành quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(37) Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trẻ em và giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(38) Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 quy định một số chế độ, chính sách đặc thù và định mức cấp phát trang thiết bị tập luyện, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Hà Nam;

(39) Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công - Kiểm soát thủ tục hành chính và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(40) Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh;

(41) Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 quy định mức bồi dưỡng đối với cán bộ, chiến sĩ công an làm thêm ngày, thêm giờ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự các ngày lễ, tết, sự kiện chính trị, lễ hội lớn trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(42) Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích hỏa táng và di chuyển phần mộ riêng lẻ về nghĩa trang tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(43) Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế đến hết năm 2025;

(44) Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 ban hành quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(45) Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 quy định chính sách khuyến khích học tập đối với học sinh Trường trung học phổ thông chuyên Biên Hòa;

(46) Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 quy định chính sách hỗ trợ học phí học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, học phí học trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(47) Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(48) Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 14/01/2025 quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025;

(49) Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND 14/01/2025 Nghị quyết quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(50) Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND20/03/2025 Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư đồng thời đáp ứng điều kiện loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa hoặc dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(51) Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND20/03/2025 Nghị quyết quy định mức trợ cấp ngày công lao động cho Dân quân, mức hưởng phụ cấp hằng tháng của thôn (tổ) đội trưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(52) Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND20/03/2025 Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ đối với học sinh, học viên đoạt giải và giáo viên bồi dưỡng học sinh, học viên tham gia, đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi;

(53) Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND20/03/2025 Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh tỉnh U Đôn Xay, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo Chương trình hợp tác với tỉnh Hà Nam;

(54) Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND20/03/2025 Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

(55) Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND20/03/2025 Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với người thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Nam./.

**Biểu số 04**

Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị
(Kèm theo Đề án số 05 /ĐA-UBND ngày 29 /4/2025 của UBND tỉnh)

1. Cấp tỉnh**a) Tổ chức Đảng**

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Ban Chấp hành Đảng bộ	42 người	49 người	42 người
2	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	13 người	14 người	13 người
3	Thường trực Tỉnh ủy	03 người	03 người	02 người
-	Bí thư Tỉnh ủy	01 người	01 người	01 người
-	Phó Bí thư Tỉnh ủy	02 người	02 người	01 người
4	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy			
-	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	10 người	11 người	09 người
-	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	03 người	03 người	03 người
5	Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy	12 đảng bộ	14 đảng bộ	10 đảng bộ
6	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	05 cơ quan	05 cơ quan	05 cơ quan
7	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy	02 đơn vị	02 đơn vị	02 đơn vị

b) Biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh:

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh			
1.1	Thường trực Đảng ủy	03 người	03 người	03 người
-	Bí thư Đảng ủy	01 người	01 người	01 người
-	Phó Bí thư Đảng ủy	02 người	02 người	02 người
1.2	Ban Thường vụ	08 người	09 người	08 người
1.3	Ban Chấp hành	23 người	18 người	20 người
1.4	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng phòng, ban trực thuộc	04 phòng	04 phòng	04 phòng
-	Cấp trưởng phòng (tương đương)			
-	Cấp phó phòng (tương đương)	05 người	03 người	07 người
2	Đảng ủy UBND tỉnh			
2.1	Thường trực Đảng ủy	02 người	03 người	03 người
-	Bí thư Đảng ủy	01 người	01 người	01 người
-	Phó Bí thư Đảng ủy	01 người	02 người	02 người

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
2.2	Ban Thường vụ	07 người	07 người	09 người
2.3	Ban Chấp hành	25 người	23 người	25 người
2.4	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng phòng	04 phòng	04 phòng	04 phòng
-	Cấp trưởng			
-	Cấp phó	09 người	02 người	06 người
3	<i>Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy</i>			
3.1	Số lượng Ban	05 Ban	05 Ban	05 Ban
-	Cấp trưởng	05 người	05 người	05 người
-	Cấp phó	15 người	15 người	15 người
3.2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng phòng	24 phòng	26 phòng	25 phòng
-	Cấp trưởng	23 người	20 người	16 người
-	Cấp phó	34 người	37 người	32 người
4	<i>Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy</i>			
4.1	Số lượng đơn vị	02 đơn vị	02 đơn vị	02 đơn vị
-	Giám đốc	02 người	02 người	01 người
-	Phó Giám đốc	03 người	06 người	06 người
4.2	Các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc			
-	Số lượng	10 phòng	13 phòng	14 phòng
-	Cấp trưởng	09 người	13 người	14 người
-	Cấp phó	11 người	30 người	22 người

c) Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh</i>			
-	Số lượng đại biểu Quốc hội khóa	06 người	08 người	06 người
-	Lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội	02 người	02 người	02 người
2	<i>Hội đồng nhân dân tỉnh</i>			
-	Số lượng đại biểu HĐND	46 người	58 người	46 người
-	Thường trực HĐND	06 người	06 người	04 người
-	Lãnh đạo HĐND	03 người	03 người	02 người
3	<i>Các ban của HĐND</i>			
-	Số lượng	03 ban	03 ban	03 ban

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
-	Trưởng ban và tương đương	03 người	03 người	02 người
-	Phó trưởng ban	02 người	03 người	04 người
-	Thành viên	14 người	20 người	16 người
4	<i>Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND</i>			
4.1	Lãnh đạo Văn phòng			
-	Chánh Văn phòng	01 người	01 người	01 người
-	Phó Chánh Văn phòng	02 người	03 người	03 người
4.2	Số lượng Phòng chuyên môn	04 phòng	03 phòng	04 phòng
-	Cấp trưởng	04 người	03 người	04 người
-	Cấp phó	04 người	02 người	03 người

d) UBND cấp tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Thành viên UBND tỉnh</i>	13 người	14 người	14 người
2	<i>Lãnh đạo UBND tỉnh</i>	04 người	04 người	04 người
3	<i>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (các sở, ngành và tương đương)</i>	13 cơ quan	12 cơ quan	12 cơ quan
4	<i>Tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý các KCN...)</i>	01 cơ quan	01 cơ quan	02 cơ quan
5	<i>Các đơn vị sự nghiệp công lập</i>			
-	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh	04 đơn vị	03 đơn vị	02 đơn vị
-	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành, Chi cục	97 đơn vị	101 đơn vị	69 đơn vị

đ) Biên chế cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</i>	13 cơ quan	12 cơ quan	12 cơ quan
1.1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Cấp trưởng	13 người	12 người	12 người
-	Cấp phó	42 người	48 người	44 người
1.2	Các phòng trực thuộc			
-	Số lượng Phòng	89 phòng	92 phòng	90 phòng
-	Cấp trưởng	86 người	90 người	86 người
-	Cấp phó	138 người	149 người	112 người
1.3	Các chi cục trực thuộc Sở			
1.3.1	Số lượng chi cục	15 tổ chức	13 tổ chức	05 tổ chức

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
-	Cấp trưởng	12 người	12 người	05 người
-	Cấp phó	25 người	21 người	11 người
1.3.2	Phòng trực thuộc chi cục			
-	Số lượng phòng	35 phòng	37 phòng	21 phòng
-	Cấp trưởng	26 người	35 người	19 người
-	Cấp phó	39 người	38 người	24 người
2	<i>Các tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý các khu công nghiệp; ...)</i>	01 tổ chức	01 tổ chức	02 tổ chức
2.1	Lãnh đạo đơn vị			
	Số lượng Thủ trưởng đơn vị	01 người	01 người	02 người
	Số lượng Phó Thủ trưởng đơn vị	03 người	03 người	05 người
2.2	Các phòng trực thuộc			
-	Số lượng phòng trực thuộc	03 phòng	04 phòng	07 phòng
-	Cấp trưởng	03 người	03 người	07 người
-	Cấp phó	04 người	05 người	06 người
3	<i>Các đơn vị sự nghiệp công lập</i>			
3.1	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh			
3.1.1	Số lượng đơn vị	04 đơn vị	03 đơn vị	02 đơn vị
-	Giám đốc	04 người	03 người	02 người
-	Phó Giám đốc	10 người	08 người	07 người
3.1.2	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	29 phòng	23 phòng	21 phòng
-	Cấp trưởng	27 người	20 người	18 người
-	Cấp phó	40 người	48 người	16 người
3.2	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh			
3.2.1	Số lượng đơn vị	88 đơn vị	97 đơn vị	68 đơn vị
-	Giám đốc	85 người	90 người	55 người
-	Phó Giám đốc	168 người	191 người	93 người
3.2.2	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	527 phòng	627 phòng	165 phòng
-	Cấp trưởng	368 người	526 người	73 người
-	Cấp phó	457 người	461 người	79 người
3.3	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc tổ chức hành chính khác <i>(Ban Quản lý các khu công nghiệp; ...)</i>			
3.3.1	Số lượng đơn vị	01 đơn vị	01 đơn vị	01 đơn vị
-	Giám đốc	01 người	01 người	01 người
-	Phó Giám đốc	01 người	01 người	02 người

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
3.3.1	Số lượng Phòng, ban trực thuộc		02 phòng	02 phòng
-	Cấp trưởng		04 người	
3.4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Chi cục và tương đương			
3.4.1	Số lượng đơn vị	07 đơn vị	04 đơn vị	
-	Giám đốc	04 người	02 người	
-	Phó Giám đốc	12 người	01 người	
3.4.2	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	02 phòng		
3.5	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập			
3.5.1	Số lượng đơn vị	01 đơn vị		
-	Giám đốc	01 người		
-	Phó Giám đốc	02 người		

e) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ủy viên Ủy ban MTTQ	78 người	86 người	73 người
-	Số lượng Chủ tịch Ủy ban MTTQ	01 người	01 người	01 người
-	Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	03 người	03 người	03 người
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	04 phòng	04 phòng	03 phòng
-	Cấp trưởng	02 người	04 người	03 người
-	Cấp phó	04 người	06 người	03 người

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ban Chấp hành	27 người	34 người	30 người
-	Số lượng Chủ tịch Hội	01 người	01 người	01 người
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02 người	02 người	03 người
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	04 phòng	04 phòng	03 phòng
-	Cấp trưởng	04 người	04 người	03 người
-	Cấp phó	04 người	05 người	02 người

- Hội Cựu Chiến binh tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Lãnh đạo cơ quan</i>			
-	Số lượng Ban Chấp hành	16 người	19 người	13 người
-	Số lượng Chủ tịch Hội	01 người	01 người	01 người
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02 người	02 người	02 người
2	<i>Các Phòng, ban trực thuộc</i>			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	02 phòng	02 phòng	02 phòng
-	Cấp trưởng	02 người	02 người	02 người
-	Cấp phó	01 người	02 người	

- Hội Nông dân tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Lãnh đạo cơ quan</i>			
-	Số lượng Ban Chấp hành	29 người	31 người	20 người
-	Số lượng Chủ tịch Hội	01 người	01 người	01 người
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02 người	03 người	02 người
2	<i>Các Phòng, ban trực thuộc</i>			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	03 phòng	03 phòng	03 phòng
-	Cấp trưởng	03 người	03 người	02 người
-	Cấp phó	05 người	03 người	03 người
3	<i>Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>			
3.1	Số lượng đơn vị	01 đơn vị	01 đơn vị	
-	Giám đốc	01 người	01 người	
-	Phó Giám đốc		01 người	
3.2	Các phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	03 người		
-	Cấp trưởng	01 người		

- Liên đoàn Lao động tỉnh

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Lãnh đạo cơ quan</i>			
-	Số lượng Ban Chấp hành	34 người	37 người	30 người
-	Số lượng Chủ tịch Liên đoàn	01 người	01 người	01 người
-	Số lượng Phó Chủ tịch Liên đoàn	02 người	03 người	02 người

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
2	<i>Các Phòng, ban trực thuộc</i>			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	14 phòng	15 phòng	12 phòng
-	Cấp trưởng	14 người	15 người	11 người
-	Cấp phó	17 người	23 người	14 người
3	<i>Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>			
3.1	Số lượng đơn vị	01 đơn vị	01 đơn vị	01 đơn vị
-	Giám đốc	01 người	01 người	
-	Phó Giám đốc	01 người	01 người	01 người
3.2	Các phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	05 phòng		08 phòng
-	Cấp trưởng	05 người		07 người
-	Cấp phó	06 người		04 người

- Tỉnh đoàn

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Lãnh đạo cơ quan</i>			
-	Số lượng Ban Chấp hành	23 người	20 người	22 người
-	Số lượng Bí thư tỉnh đoàn	01 người		01 người
-	Số lượng Phó Bí thư	03 người	01 người	03 người
2	<i>Các Phòng, ban trực thuộc</i>			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	04 phòng	04 phòng	04 phòng
-	Cấp trưởng	04 người	04 người	01 người
-	Cấp phó	03 người	03 người	02 người
3	<i>Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>			
3.1	Số lượng đơn vị	01 đơn vị	01 đơn vị	01 đơn vị
-	Giám đốc	01 người	01 người	01 người
-	Phó Giám đốc	02 người	01 người	
3.2	Các phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	03 phòng		
-	Cấp trưởng	02 người		
-	Cấp phó	03 người		

- Các Hội được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Số lượng	15 tổ chức	15 tổ chức	14 tổ chức
2	Biên chế giao	64 người	38 người	48 người
3	Có mặt	51 người	28 người	37 người

2. Cấp huyện

a) Tổ chức Đảng

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Ban Chấp hành Đảng bộ</i>	259 người	341 người	194 người
2	<i>Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện</i>	75 người	94 người	51 người
3	<i>Thường trực cấp ủy cấp huyện</i>	21 người	26 người	18 người
-	Bí thư cấp ủy cấp huyện	07 người	09 người	06 người
-	Phó Bí thư cấp ủy cấp huyện	14 người	17 người	12 người
4	<i>Đảng bộ trực thuộc cấp ủy cấp huyện</i>			
-	Đảng bộ cấp xã	125 đảng bộ	175 đảng bộ	98 đảng bộ
-	Đảng bộ cấp trên cơ sở			
5	<i>Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện</i>	28 cơ quan	36 cơ quan	24 cơ quan

b) Biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện			
-	Số lượng các ban trực thuộc	28 ban	36 ban	24 ban
-	Cấp trưởng	28 người	33 người	21 người
-	Cấp phó	64 người	98 người	52 người
2	<i>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy cấp huyện</i>			
2.1	Số lượng đơn vị	07 đơn vị	09 đơn vị	06 đơn vị
-	Giám đốc	07 người	09 người	06 người
-	Phó Giám đốc	12 người	09 người	04 người

c) Hội đồng nhân dân cấp huyện

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Hội đồng nhân dân cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố)</i>			
-	Số lượng đại biểu HĐND	225 người	305 người	169 người
-	Thường trực HĐND	27 người	34 người	20 người
-	Lãnh đạo HĐND, trong đó	23 người	27 người	20 người
+	Chủ tịch HĐND	05 người	08 người	04 người
+	Phó Chủ tịch HĐND	07 người	10 người	06 người
+	Ủy viên Thường trực	11 người	09 người	10 người

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
2	<i>Các ban HĐND</i>	14 ban	18 ban	12 ban
2.1	Ban Kinh tế xã hội	07 ban	09 ban	06 ban
-	Trưởng ban	07 người	08 người	05 người
-	Phó trưởng ban	07 người	07 người	05 người
-	Thành viên	24 người	32 người	18 người
2.2	Ban Pháp chế	07 ban	09 ban	06 ban
-	Trưởng ban	07 người	07 người	05 người
-	Phó trưởng ban	05 người	08 người	06 người
-	Thành viên	24 người	25 người	17 người

d) UBND cấp huyện

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Thành viên UBND cấp huyện</i>	94 người	118 người	56 người
2	<i>Lãnh đạo UBND cấp huyện</i>	26 người	30 người	19 người
-	Chủ tịch UBND	07 người	09 người	06 người
-	Phó Chủ tịch UBND	19 người	21 người	13 người
3	<i>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (các phòng và tương đương)</i>	71 phòng	81 phòng	60 phòng
4	<i>Các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó</i>	463 đơn vị	729 đơn vị	372 đơn vị
-	Giáo dục mầm non	146 đơn vị	226 đơn vị	113 đơn vị
-	Giáo dục tiểu học	143 đơn vị	228 đơn vị	114 đơn vị
-	Giáo dục THCS (liên cấp)	143 đơn vị	226 đơn vị	110 đơn vị
-	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên		09 đơn vị	
-	Sự nghiệp y tế		09 đơn vị	07 đơn vị
-	Sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể thao	07 đơn vị	09 đơn vị	06 đơn vị
-	Sự nghiệp khác	24 đơn vị	22 đơn vị	22 đơn vị

đ) Biên chế cơ quan chuyên môn và số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (các phòng và tương đương)</i>			
-	Số lượng phòng	71 phòng	81 phòng	60 phòng
-	Cấp trưởng	69 người	81 người	52 người
-	Cấp phó	162 người	199 người	112 người

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
2	<i>Các đơn vị sự nghiệp công lập</i>			
2.1	Số lượng đơn vị	463 đơn vị	729 đơn vị	372 đơn vị
-	Giám đốc	451 người	715 người	368 người
-	Phó Giám đốc	715 người	1.043 người	536 người
2.2	Các phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	11 phòng	151 phòng	183 phòng
-	Cấp trưởng	06 người	105 người	140 người
-	Cấp phó	01 người	108 người	91 người

e) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	<i>Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện</i>			
-	Ủy viên Ủy ban MTTQ	455 người	541 người	320 người
-	Chủ tịch Ủy ban MTTQ	07 người	08 người	05 người
-	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	10 người	12 người	06 người
2	<i>Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện</i>			
-	Ban Chấp hành	188 người	195 người	132 người
-	Chủ tịch Hội	06 người	09 người	06 người
-	Phó Chủ tịch Hội	08 người	12 người	06 người
3	<i>Hội Cựu Chiến binh cấp huyện</i>			
-	Ban Chấp hành	136 người	238 người	114 người
-	Chủ tịch Hội	06 người	09 người	05 người
-	Phó Chủ tịch Hội	08 người	11 người	07 người
4	<i>Hội Nông dân cấp huyện</i>			
-	Ban Chấp hành	158 người	192 người	128 người
-	Chủ tịch Hội	07 người	08 người	05 người
-	Phó Chủ tịch Hội	09 người	09 người	06 người
5	<i>Liên đoàn Lao động cấp huyện</i>			
-	Ban Chấp hành	121 người	156 người	149 người
-	Chủ tịch Liên đoàn	07 người	09 người	08 người
-	Phó Chủ tịch Liên đoàn	08 người	10 người	09 người
6	<i>Đoàn Thanh niên</i>			
-	Ban Chấp hành	159 người	152 người	115 người
-	Bí thư Huyện đoàn, Thành đoàn, Thị đoàn...	06 người	07 người	05 người
-	Phó Bí thư	05 người	10 người	04 người

f) Các Hội được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Số lượng	42	09	06
2	Biên chế giao	07	25	23
3	Số có mặt	06	22	22

3. Cấp xã

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Số lượng ĐVHC cấp xã, trong đó	125	175	98
-	Số xã	101	146	65
-	Số phường	18	14	29
-	Số thị trấn	06	15	04
2	Số lượng thôn, tổ dân phố	1.679	2.117	686
-	Số thôn	412	1.676	511
-	Số tổ dân phố	1.267	441	175

4. Biên chế công chức hành chính, số người làm việc (viên chức) trong các cơ quan, đơn vị

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
1	Cấp tỉnh			
1.1	Khối đảng, đoàn thể (hoặc tách riêng khối đảng với khối đoàn thể)			
-	Công chức			
+	Số giao	321	330	324
+	Số có mặt	310	311	295
-	Số người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước			
+	Số giao	180	172	134
+	Số có mặt	179	150	130
1.2	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)			
-	Công chức			
+	Số giao	908	1.124	813
+	Số có mặt	844	1.015	748
-	Số người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước			
+	Số giao	5.296	4.630	2.610
+	Số có mặt	5.087	4.171	2.435

TT	Nội dung	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam
2	<i>Cấp huyện</i>			
2.1	Khối đảng, đoàn thể (hoặc tách riêng khối đảng với khối đoàn thể)			
-	Công chức			
+	Số giao	353	494	291
+	Số có mặt	301	460	267
-	Số người làm việc			
+	Số giao	29	38	18
+	Số có mặt	28	29	15
2.2	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)			
-	Công chức			
+	Số giao	568	829	427
+	Số có mặt	523	752	380
-	Số người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước			
+	Số giao	13.486	25.508	12.607
+	Số có mặt	12.916	23.267	12.117
3	<i>Cấp xã</i>			
3.1	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã			
-	Số được giao (bao gồm cả số ghi nhận)	2.623	4.328	2.099
-	Số có mặt	2.529	3.770	1.963
3.2	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã			
-	Số được giao (bao gồm cả số ghi nhận)	1.570	2.685	1.286
-	Số có mặt	1.074	1.776	979
3.4	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (chỉ tính 03 chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn/tổ trưởng Tổ dân phố và Trưởng ban Công tác Mặt trận)			
-	Số được giao (bao gồm cả số ghi nhận)	5.037	6.351	1.216
-	Số có mặt	3.726	5.602	1.272